



KHOA HỌC DƯỚI GÓC NHÌN TÂM LÝ

CAO BIÊN. THÀNH ĐẠ LA

bùa chú và sự thật



Bí mật của những tin đồn
Người khổng lồ huyền thoại và sự thật
Bắt ma trời và sự thật về loài ma tinh nghịch
Đi tìm di cốt thần y Tuệ Tĩnh
Bí kịch của những điệp viên đồng tính



Nhà xuất bản Trẻ

KHOA HỌC DƯỚI GÓC NHÌN TÂM LÝ

CAO BIÊN, THÀNH ĐẠI LA

bùa chú và sự thật

LÊ TẤT ĐẮC
NGUYỄN BÁC TÙNG
TRẦN KHẮC HÒE
QUỲNH NHÌ
Biên soạn



Nhà xuất bản Trẻ

“Lật tẩy” ảo thuật gia David Copperfield



David Copperfield là một nhà ảo thuật thiên tài hay là một kẻ đại bịp? Đó là điều mà Harry Joe, cánh tay đắc lực của David vừa tiết lộ. Đó cũng là lý do khiến siêu người mẫu xinh đẹp Claudia Schiffer rời bỏ người đàn ông bí ẩn và hấp dẫn nhất hành tinh này.

“Hô biến” tượng Nữ thần tự do

David Copperfield thường đi lưu diễn vòng quanh thế giới với gần hai mươi tấn thiết bị và một đội ngũ đông đảo những người giúp việc. Hiếm người biết rằng trong số những người đi theo David Copperfield có nhiều nhà khoa học rất giỏi, từ nhà hoá học, vật lý, toán học cho đến giáo sư tâm lý. Họ làm việc cho David Copperfield, được trả lương cao với điều kiện là lao động cật lực và im lặng. Không thể không nhắc đến một chương trình biểu diễn đầy ấn tượng của David Copperfield: Tượng Nữ thần tự do của nước Mỹ (cao hơn hai chục mét tính cả bệ) tự nhiên biến mất. Màn ảo thuật diễn ra vào một buổi sáng có nhiều sương. Trước sự chứng kiến của 10.000 khán giả, David Copperfield múa may, làm những động tác kỳ quặc. Âm nhạc dữ dội. Sân khấu dựng

trước tượng rung rinh. Tượng Nữ thần tự do từ từ biến mất. Mỗi khán giả bỏ ra 150 USD để tận mắt mua lấy sự kinh ngạc. David Copperfield quay cuồng, rú lên khủng khiếp. Khán giả sợ thực sự. Sau 2 giờ, David Copperfield trợn mắt hét lên, lập tức tượng Nữ thần tự do thành linh “trở lại”...

Để thực hiện được màn ảo thuật này, David Copperfield phải trả tiền cho thành phố để “thuê” tượng Nữ thần tự do trong vòng một tuần. Tượng thần được bọc kín và không người ngoài nào được đến gần khi nhóm ảo thuật chuẩn bị. Trước tượng, một sân khấu lớn được dựng lên. Khán giả xem biểu diễn được ngăn lại cách sân khấu ít nhất 20m. Hai bên tượng dựng hai màn gương khổng lồ cao hơn cả tượng thần. Hai màn gương này có thể ghép lại thành một màn gương và cùng đứng trên một đoạn đường ray dẫn tới khoảng không cách tượng khoảng 100m. Trước khi biểu diễn, không gian xung quanh bức tượng liên tục được phun nước làm lạnh, tạo ra một lớp sương nhẹ, đồng thời phun một loại hoá chất khiến cho mắt thường nhìn vào có cảm giác cảnh vật bị đẩy lùi xa. Ở giữa bức tượng

và hai màn gương, một tấm thép rộng che kín bức tượng. Tấm thép có thể gấp lại nhanh chóng. Phía sau bức tượng cũng có một tấm thép y hệt như thế. Để chuẩn bị diễn, David Copperfield cho máy quay lấy cảnh bức tượng có tấm thép phía sau cùng tấm gương khổng lồ đặt sau cùng. Khi bắt đầu biểu diễn, người xem nhìn thấy trong sương một tấm kính khổng lồ đặt đằng sau bức tượng. Người ta nhìn thấy cả tượng với tấm thép khổng lồ đặt đằng sau bức tượng. Người ta nhìn thấy cả tượng với tấm thép khổng lồ và hình ảnh của tượng cùng tấm thép đó trong gương (Thực ra bức tượng đã bị hai tấm thép bọc kín). Hình ảnh mà khán giả nhìn thấy là do máy chiếu phim từ xa chiếu vào mặt gương. Trong khói, sương, David Copperfield la hét. Sân khấu cùng tấm gương khổng lồ chuyển động theo đường ray. Trong tích tắc, một tấm vải che màn gương. Máy chiếu thay đổi hình ảnh. Khán giả thấy tượng thần biến mất. Trong gương chỉ còn tấm thép chắn phía sau. Hai tấm gương tách đôi để lại mình David Copperfield phù phép trên sân khấu trống không. Khán giả quay lại nhìn thấy chỗ

tượng thần chỉ còn tấm thép không lỗ. Sau 2 giờ, sân khấu trở lại phía trước bức tượng. Một tấm vải phủ lên tấm thép. David Copperfield làm những động tác kỳ quặc như thể “gọi” bức tượng về. Lúc này chỉ cần nhanh chóng thu dọn tấm vải che cùng tấm thép phía trước là tượng “hiện về” ngay. Ngoài sự trợ giúp tất cả của máy chiếu phim, hoá chất... David Copperfield lợi dụng được tâm lý tò mò cao độ của đám đông. Đa số khán giả chỉ chú ý vào từng động tác của nhà ảo thuật vì nghĩ rằng bí mật chỉ nằm ở đó. Người ta muốn xem một vị “phù thủy” lừng danh thế giới kia mà. Tất cả “thủ thuật” của “phù thủy” David Copperfield là như thế!

Người đàn bà “bơi” trong gương

Màn ảo thuật nổi tiếng này được đặt theo tên vở balê vĩ đại “*Hồ Thiên Nga*” của nhạc sĩ thiên tài người Nga, Piotr Tchaikovsky vì chất lãng mạn cũng như nhạc nền của nó lấy theo nền nhạc của vở balê. Lần đầu tiên David Copperfield công diễn màn ảo thuật này tại Đại hội ảo thuật thế giới ở Paris năm

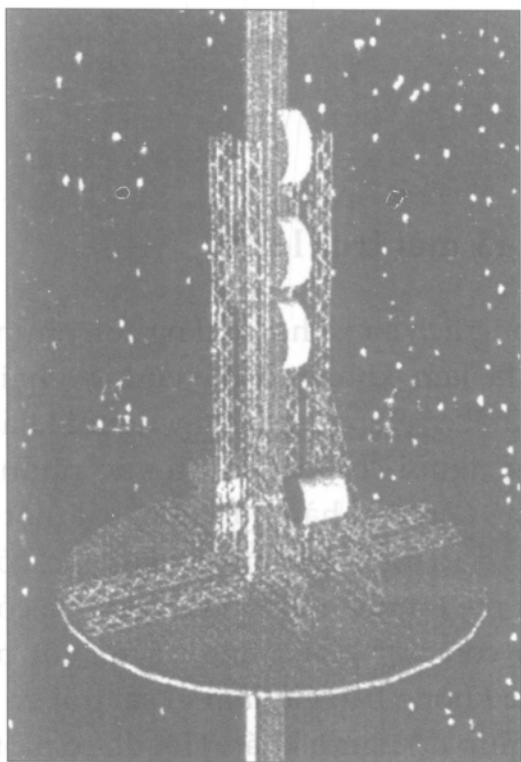
1993. Công chúng chứng kiến một câu chuyện đầy thi vị. Một người đàn bà đánh mất tuổi xuân của mình. Nàng soi gương để tìm lại hồi ức về đẹp xưa. Một kỷ niệm rực rỡ lướt trong gương cùng đôi mắt xa xôi của người tình. Nàng quyết định học phép phù thủy, chui vào gương. Nàng vùng vẫy bơi trong gương nhưng không thể tìm thấy tuổi xuân của mình. Khán giả chứng kiến người đàn bà từ từ đưa chân vào gương như thể thả chân xuống một mặt hồ trong suốt. Khi cả thân đã ở trong gương chỉ còn lộ một cái đầu, David Copperfield phủ lên gương một tấm vải đỏ. Âm nhạc dữ dội và ánh sáng chói loà... David Copperfield quỳ thụp xuống như thể cầu nguyện. Tấm vải được hát ra. Người đàn bà bơi trong gương tự do như thể bơi trong hồ nước trong suốt. Để chuẩn bị biểu diễn, David Copperfield cùng các cộng sự dùng kỹ thuật số tạo ra một số đoạn phim. Đoạn phim quay một cô gái (chính là người đàn bà trên sân khấu biểu diễn màn ảo thuật đó) bơi lội trong bể nước trong suốt được đưa lên máy tính và thay nền hồ nước bằng mặt gương. Tiếp tục bằng cách đó quay những đoạn phim với đôi

chân cô gái từ từ đưa xuống mặt nước (sau đó sẽ được thay bằng mặt gương). Sân khấu được tính toán kỹ càng. Máy chiếu phim được đặt lẫn trong các đèn chiếu sáng phía trước. Tấm gương đặt giữa sân khấu và luôn luôn có vẻ hư ảo bởi khói liên tục phun lên từ mặt sàn sân khấu. Ở cạnh tấm gương nằm sát mặt sàn có một lỗ hổng to đủ người chui qua (khán giả không được phép biết điều này). Màn biểu diễn bắt đầu trên nền nhạc của Tchaikovsky. David Copperfield phủ vải đỏ kín gương rồi đứng ra một góc. Cô gái xuất hiện, buồn rầu. Cô múa, van xin mục phù thủy (David Copperfield) bày cho mình phép thuật tìm lại tuổi thanh xuân. David Copperfield làm những động tác khó hiểu rồi lật tấm vải trùm gương ra. Ngọn khói phun ra đúng từ lỗ gương hổng nên không ai nhìn thấy lỗ hổng được người đàn bà từ từ cho chân vào đó. Thân ép về phía gương bên trái. Nửa gương bên phải chính là phòng để máy chiếu chiếu đoạn phim với đôi chân bước dần xuống nước. Tốc độ chiếu phù hợp tốc độ đàn bà chui về phía gương. Khi khán giả thấy từ cổ đến chân cô gái quấy lộn trong gương thì cô gái chợt đau

đơn kêu lên. Cô ta tỏ ra bất lực không chui tiếp vào gương và van xin mẹ phủ thủy giúp đỡ. David Copperfield trùm tấm vải lên gương và đầu cô gái. Âm nhạc, khói mù mịt. Ánh sáng loá loá. Trong khi David Copperfield vung tấm áo choàng rộng thùng thình như thể che lấp hết sân khấu thì gương và cô gái nhanh chóng lên từ... dưới. David Copperfield hú hét rồi lật tấm vải ra. Máy chiếu liên chiếu hình người đàn bà bơi trong gương trong tiếng nhạc hoan ca. Chiếc gương thình lình chia làm đôi. Kết thúc màn biểu diễn.

Với sự trợ giúp của máy móc, khoa học nắm được tâm lý của khán giả, màn diễn dựa trên một câu chuyện hấp dẫn (điều mà chỉ có David Copperfield làm được trong thế giới ảo thuật), một vẻ... bí ẩn... tất cả cộng lại tạo cho thế giới một nhà ảo thuật vĩ đại. Nếu những phẩm chất “ảo thuật” trên quá đơn giản, ai cũng làm được thì thế giới đã có biết bao nhiêu nhà ảo thuật. Nhưng cuộc sống đã cho thấy rằng chỉ có David Copperfield mới làm được những điều kỳ diệu.

Bí mật của những tin đồn



Tại sao những "tin đồn" lại gây tò mò đối với con người đến như vậy? Sự sinh ra những tin đồn vẫn là một điều bí mật đối với các nhà khoa học. Tại sao con người nhiều khi lại tin vào "lời đồn" hơn là tin vào sự thực? Các nhà nghiên cứu tâm lý vừa đưa ra những bí mật vô cùng... tức cười về sự sinh ra và sự lây lan của những tin đồn.

Con gà mái trụi lông

Trong lịch sử xã hội loài người, những tin đồn đã làm không ít đế vương phải liêu xiêu, mất cả giang sơn về tay người khác. Có những người chỉ vì quá tin vào những lời đồn mà dẫn đến hành động tự sát một cách ngu ngốc. Trong lịch sử Trung Quốc, có một người mẹ rất nhân đức phúc hậu. Bà có một người con trai giỏi giang và rất tốt bụng. Anh ta không bao giờ làm gì sai trái và luôn luôn giúp đỡ người khác. Hồi đó có một đạo luật rất nghiêm khắc rằng, nếu ai đó phạm tội giết người thì thân nhân cũng bị trừng phạt. Bà mẹ luôn tin tưởng vào tính nết nhu hoà của con trai mình. Nhưng những lời đồn quả là khủng khiếp. Nó có thể quật đổ bất cứ ai. Một hôm, có người đến nói với bà rằng con bà đã giết một người khác, bà phải mau trốn đi không lính sẽ đến bắt. Bà cười,

Bí mật của những tin đồn

không tin con trai mình có thể phạm tội tày trời như vậy. Bà diễm nhiên ngồi đợi vài mặc cho người kia giục bà trốn đi. Một lúc sau, lại có một người đưa tin như vậy. Bà vẫn cười, không tin. Nhưng khi tin đồn qua miệng một người thứ ba thì bà vội quàng con thoi và chạy trốn thật nhanh. Sự thực là người con trai đó không hề phạm tội. Nhưng tin đồn đã khiến cho bà mẹ mất niềm tin vào con trai mình.

Bản chất của tin đồn là phải qua miệng nhiều người. Nếu chỉ nghe một hai người nói thì cái tin đó không có giá trị nhiều. Nhưng khi “bản tin” đã được truyền đi qua nhiều người, lập tức nó trở nên hấp dẫn và gây sự tò mò vô cùng. Con người khi tò mò muốn biết điều gì thì ngay ở thời điểm đó, con người bị lệ thuộc vào điều mình đang muốn tìm hiểu. Chính sự lệ thuộc này càng khiến cho con người tin hơn vào những lời đồn. Nhưng đúng như bản chất của chúng, lời đồn có rất nhiều dạng, dạng làm cho con người ta sợ hãi hơn, lo âu hơn, dạng làm cho con người ảo tưởng hơn, dạng làm cho con người vui vẻ, giải trí... Tuyệt nhiên không có dạng nào khiến cho con người có thể hiểu sự

việc chính xác cả. Có một điều khá lạ lùng là những lời đồn thường được “cộng sinh” bởi những người không có thiện cảm với “nhân vật” trong lời đồn đó.

Ở Hy Lạp xưa có một người đàn bà tuyệt đẹp tên là Julis. Vẻ đẹp của Julis được mô tả đẹp đến mức khiến cho Hêra, vợ của thần Dớt phải phát ghen. Hêra là một nữ thần mà còn phải lòng lên thì những người đàn bà trần thế phải ghen đến mức nào. Thế là bắt đầu những lời đồn về đôi mắt lệch, về cái cằm chẻ, về những móng chân ó vàng, về mùi “nặng” của Julis, về sự cố cuồng loạn dục vọng của nàng. Nhưng những người đàn ông tinh khôn vẫn đến với Julis không ngừng. Họ thừa hiểu những tin đồn kiểu đó của những người đàn bà. Nhưng một tin đồn lạ lùng khác về Julis lại xuất hiện. Tin đồn không chê một điểm gì của người đàn bà đẹp này mà phủ nhận toàn bộ vẻ đẹp của nàng. Không ai tin cả. Hiển nhiên là thế. Nhưng những người đàn bà xung quanh Julis, những người trước đây từng phải công nhận là nàng xinh, đều cùng nhau tỏ thái độ ngược lại. Họ thì thầm với nhau và tất nhiên bằng cách nào đó đến được tai Julis. Một

Bí mật của những tin đồn

cuốn sách mới đã đưa ra những chuẩn mực về vẻ đẹp của người đàn bà hoàn toàn khác tất cả những nét quyến rũ nhất của Julis. Ban đầu, Julis cũng ngấm ngấm lại mình và mỉm cười vì tin đồn của những người đàn bà xấu hơn mình và nàng tin rằng vài ngày sau đó tin đồn sẽ bị vẻ đẹp thực sự của nàng xoá tan. Những người đàn ông có quyền lực vẫn đến với nàng. Họ nói với nàng về tin đồn đó để nịnh bợ nàng. Một trong những người đàn ông đó đã ném quyển sách dưới chân nàng và trịnh trọng nâng chân Julis xéo lên quyển sách đó. Nhưng khi còn một mình, sự tò mò nổi lên. Julis nhặt cuốn sách và bắt đầu đọc. Nàng có một trận cười vui vẻ về những gì mô tả trong sách. Nhưng sau đó, có một nỗi sợ mơ hồ choán lấy nàng. Julis soi lại gương mặt mình. Nàng soi gần hơn nữa để nhìn cho rõ. Trong tấm gương đồng lấp lánh cái mũi to của nàng hiện lên. Vì muốn nhìn rõ nên nàng chỉ thấy mỗi cái mũi trong gương. Julis giật mình vì quyển sách nói... có lý. Cứ thế, lời đồn đại đã giúp những người đàn bà thành công. Cuối cùng, Julis không còn tin vào nhan sắc của mình mặc dù đám đàn ông vẫn đến quỳ dưới

chân nàng nịnh bợ. Không chịu nổi điều ấy, Julis quyết định tự tử. Đó là một trong những ví dụ đặc sắc nhất về sự tàn phá của tin đồn.

Trong các nền văn hoá đều có những câu chuyện kỳ lạ về những lời đồn. Nhưng có lẽ câu chuyện “con gà mái trụi lông” được biến đổi theo chất hài hước của người Nga là đặc sắc nhất và bộc lộ rõ nhất về sức tàn phá của những tin đồn: “Mùa đông đến, một con gà mái bị rụng mất một cái lông cánh. Con gà “thở dài” và chuốt lại bộ lông của nó. Đám gà mái ở gần bên cạnh nghe thấy liền kháo nhau rằng con gà mái kia đã bị rụng những ba cái lông cánh, mà lại là những cái lông đẹp nhất. Một ả hay kháo chuyện liền ghé tiếp sang chuồng bên cạnh thì thầm với một con gà mái khác. Câu chuyện con gà mái bị rụng một chiếc lông cứ lan nhanh quanh những chiếc chuồng gà bởi đám gà mái. Mà giống như tất cả các loại chuồng, chuồng gà vốn chia các ngăn vòng tròn. Câu chuyện trở lại đúng cái ngăn có con gà mái đầu tiên. Nghe xong chuyện, con gà mái đó nhảy dựng lên và lập tức ghé sang kể cho đám gà mái bên cạnh vì con gà này cũng không biết

đó là câu chuyện của chính mình. Theo sự lây lan, tin đồn chứ thế mỗi lúc một lớn dần thành chuyện một con gà mái vì muốn làm dáng với lũ gà trống nên đã tự vặt trụi lông của mình”.

Tin đồn sinh ra từ đâu ?

Đa số chúng ta đều nghĩ rằng những tin đồn được sinh ra từ các quan hệ trong cuộc sống. Những lời đồn có nhiều mục đích khác nhau nhưng thường xuất phát từ sự không thiện cảm với các “nhân vật” trong các lời đồn đó. Nhưng quan niệm đó hoàn toàn sai. Theo các nhà nghiên cứu thì lời đồn là một phần bản chất của tâm hồn con người. Khi con người tiếp nhận một thông tin không rõ ràng hoặc một sự kiện thiếu những chi tiết thực, tâm hồn con người trở nên hoang mang. Người ta không thể tin rằng “mình” lại không thể hiểu được các thông tin đó. Hơn nữa, có một nỗi tự kỷ ám thị kỳ lạ rằng, chắc là mình “kém quan trọng” trong xã hội nên mình không có quyền hưởng những thông tin hấp dẫn đó. Như vậy thì... đâu có được. Tôi phải là một

người quan trọng chứ. Người quan trọng là người “biết nhiều” những thông tin quan trọng. Nếu không có thông tin thì tại sao không tự... sinh ra những thông tin ấy. Thế là tin đồn bắt đầu hình thành. Những lời đồn sẽ hướng đến hai “nội dung” chính là đời tư của những người nổi tiếng và những vấn đề xã hội có tầm ảnh hưởng lớn, tác động đến quyền lợi của nhiều người.

Thường thường, những tin đồn không bao giờ được sáng tạo hoàn toàn mà thường được dựa trên một số chi tiết thực. Những chi tiết ấy thường không hấp dẫn nhưng chúng lại làm cho các lời đồn có vẻ đáng tin hơn. Điều quan trọng của những lời đồn là không được có những chi tiết xác thực, không được khiến cho người nghe tin ngay. Trong khoảng mù mờ hấp dẫn của thông tin, trí óc con người sẽ tiếp tục sáng tạo tiếp các chi tiết khác, khiến cho những lời đồn càng lan truyền rộng càng hấp dẫn hơn. Điều đó khiến cho các nhà tâm lý hiểu được sự phát sinh của một số bệnh tâm thần. Có một số bệnh nhân thường thì thảo những tin tức khủng khiếp. Điều đó chỉ cốt để cho người khác thấy mình là quan

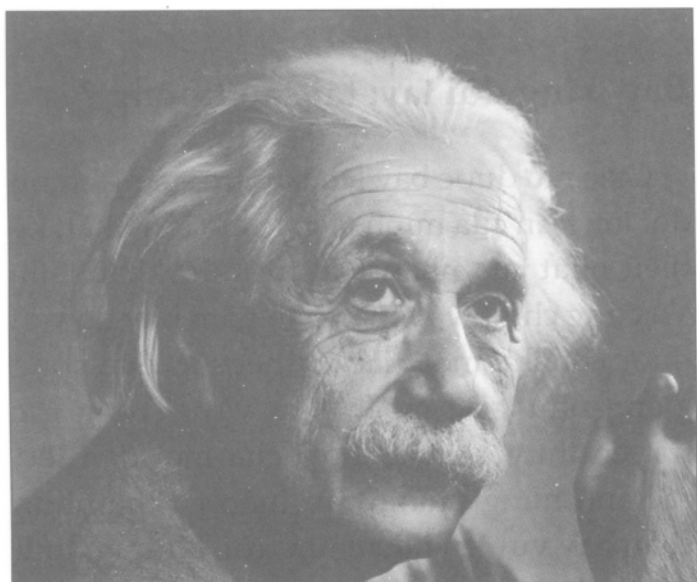
trọng. Trước khi mắc bệnh tâm thần, chính những người này cũng đã là những người “sáng tạo” tin đồn nhiều nhất. Họ là những người kém may mắn trong cuộc sống, và luôn có cảm giác bị mọi người coi thường, bỏ rơi. Để chứng minh mình là người quan trọng, họ bắt đầu tạo ra những tin đồn. Đôi khi chính những người này cũng bị tin đồn của mình “quay ngược lại” và vật cho họ “trụi lông”.

Những người làm nghệ thuật là những người ham mê với các tin đồn nhất. Điều đó giải thích tại sao đời sống riêng tư của các ngôi sao ca nhạc, điện ảnh, các nhà văn, nhà thơ lại được đồn thổi nhiều đến như vậy. Các nghệ sĩ là những người thích suy đoán và tất nhiên là luôn luôn sáng tạo. Chỉ một chi tiết nhỏ của người khác cũng rất dễ bị thổi phồng to lên. Đa số các tin đồn về giới nghệ sĩ do chính họ tạo ra. Đây là một kết luận duy nhất được nhà nghiên cứu khoa học đồng ý với các nhà tâm lý. Những vấn đề còn lại về lời đồn thì không thống nhất được. Các nhà tâm lý cho rằng lời đồn phát sinh từ căn bệnh hoang tưởng, kém tự tin vào bản thân mình. Trái lại, các nhà khoa

học cho rằng tin đồn chỉ sinh ra bởi các quan hệ xã hội.

Trong đời sống hiện đại, khi thông tin trở thành tiền bạc thì những tin đồn phát huy được tối đa hiệu quả của chúng. Chỉ một tin đồn thất thiệt mà có những công ty phải phá sản. Tin đồn là một thứ “dịch hạch” rất khó ngăn chặn. Nhưng chúng ta cần phải biết tiếp nhận nó như thế nào để có thể không bị chúng chi phối.

Bay bằng tay và những con tàu vượt thời gian - Hai giấc mơ kỳ lạ đang đến



Bay bằng đôi tay: tại sao không ?

Giấc mơ được bay lên bầu trời bằng chính đôi tay trần của mình là giấc mơ lớn nhất, kỳ diệu nhất của nhân loại từ thuở khai sinh. Và cũng chính vậy mà ngàn năm nay nó vẫn được coi như một giấc mơ hết sức viễn vông giống như giấc mơ bất tử vậy. Trong các truyền thuyết, thần thoại của mọi dân tộc, các anh hùng phàm trần luôn có thể nhún chân bay vút lên như chim trời. Nhưng định mệnh đã khiến con người phải đi bằng đôi chân trên mặt đất. Thế kỷ XVIII ở Thụy Sĩ, có một nhà khoa học điên khùng. Đó là cách mọi người gọi Heyfler như vậy. Ông là một nhà khoa học, đồng thời là một triết gia. Từ nhỏ, giấc mơ được bay lên bằng đôi tay mình đã thiêu đốt ông. “Mỗi khi dang tay ra là tôi cảm thấy bầu trời chao đảo”. Heyfler nói và cố gắng đọc hết những tài liệu cổ để

tim thấy dấu vết của một cuộc bay lên thực sự bằng đôi tay của con người. Trong thần thoại Hy Lạp, Incare, một nhà khoa học thiên tài bị nhốt vào mê cung không tìm thấy lối thoát. Để thoát khỏi đó chỉ có cách là bay lên đỉnh nóc mê cung. Incare dùng sáp ong và lông chim gắn vào đôi tay mình tạo ra một đôi cánh như chim. Sau nhiều lần đập cánh, cuối cùng Incare cũng thoát khỏi mê cung. Heyfler bỏ công nghiên cứu về Incare và đi đến kết luận là câu chuyện trên hoàn toàn có thực. Để bay lên bằng chính đôi tay mình thì trước hết con người phải học cách bay của chim - tức là cách bay của Incare. Heyfler hì hục tạo cho mình một đôi cánh rộng bằng chất liệu cực nhẹ của thời đó (Với công nghệ khoa học phát triển như ngày nay chúng ta có thể làm được những đôi cánh siêu bền và nhẹ hơn đôi cánh của Heyfler một trăm lần). Để chế tạo một đôi cánh như cánh chim không quá khó vì các nhà khoa học đã nghiên cứu và đưa ra những thông số chính xác về trọng lượng, sự tương ứng đầu cánh và đôi cánh, tỉ lệ với độ dài thân... Heyfler bắt đầu kỳ công của mình bằng cách “mặc” đôi cánh vào và tập bay.

Dầu tiên ông đứng trên những mô cao và nhảy xuống dưới. Sau nhiều lần đập mặt, gãy tay... cuối cùng ông cũng “hạ cánh” một cách an toàn. Sự “nhảy dù” an toàn này chúng ta có thể hiểu được vì đôi cánh to rộng có thể giống như một chiếc dù. Nhưng giữa “nhảy dù” và bay như chim là hai chuyện hoàn toàn khác. Thu hẹp khoảng cách đó cũng là cái đích của nhà khoa học lập dị này. Khi bắt đầu làm thí nghiệm, ông đã hai mươi ba tuổi, giai đoạn chế tạo đôi cánh và nhảy dù lấy đi của ông 5 năm. Heyfler tính toán rằng, nếu công việc tiến triển theo đúng ý ông thì đến năm bảy mươi tuổi, ông sẽ có thể tự do bay như chim trời. Có nghĩa là ông sẽ mất cả cuộc đời. Nhưng có sao khi giấc mơ tuyệt vời đó thành hiện thực. Giai đoạn tiếp theo là giai đoạn “chao liệng”. Không cần nói chúng ta cũng biết điều này cực khó vì chỉ cần tấm dù mất thăng bằng là người đó sẽ bị rơi ngay xuống đất. Đôi cánh của Heyfler được chế tạo hết sức đặc biệt có những khớp tự động làm bằng kim cương và chất dẻo. Tất cả được điều chỉnh bằng cách vận động của cơ nằm dọc cánh tay chứ không phải các ngón tay.

Khi chao liệng, đôi cánh mất thăng bằng đã ném ông xuống đất rất nhiều lần, nhưng Heyfler không nản, ông tiếp tục công việc vô vọng của mình. Mỗi khi chuẩn bị chao liệng, các cơ tay làm cho khớp cánh chuyển động và cánh được “bẻ gãy” thành nhiều mảnh. Nhờ đó mà ông liên tục lấy được sự cân bằng trên không. Dần dần ông có thể “nhảy dù” và “chao liệng” ở trên không lâu hơn một vài giây. Nhưng Heyfler đã tính nhầm, việc luyện tập “chao liệng” khiến ông mất thêm hai mươi năm vào đó. Ông đang đứng trước công đoạn tiếp theo, một công đoạn đặc biệt khó khăn là phải bay lên như chim bằng đôi cánh chim! Đó là công đoạn “vẫy cánh”. Để đưa cả trọng lượng cơ thể lên cao chứ không phải rơi tự do như trước cần một sức khỏe phi thường và lòng kiên trì vô biên. Cả hai điều đó ông đều có nhưng thời gian của ông đang cạn dần. Tuổi già đã tước đi nhiều sức lực của ông. Heyfler để lại những dòng nhật ký nói rằng, nếu như ông sống thêm được “một trăm năm” nữa thì ông sẽ hoàn thành giấc mơ này. Theo sức tưởng tượng của Heyfler thì các công đoạn sẽ tiến hành tuần tự như sau: Khi con người

luyện tập mất khoảng ba mươi năm thì con người có thể bay được bằng đôi cánh như chim. Sau đó mỗi tháng, hoặc hai tháng, sẽ có “lông chiếc” lông chim gắn trên cánh được rút ra. Con người cứ tiếp tục “luyện bay” cho đến khi rút hết lông chim ra thì mất khoảng năm mươi năm nữa. Thật là một kế hoạch điên rồ và viễn vông vì đòi người lấy đâu ra quỹ thời gian khổng lồ để thực hiện giấc mơ đó. Nhưng ngày nay, bằng công nghệ sinh học và các ngành khoa học khác trợ giúp, đời sống con người đang được dự báo là sẽ kéo dài thêm vài chục năm trong thế kỷ XXI và là một con số không tưởng tuyệt vời trong những thế kỷ tiếp theo.

Con tàu vượt thời gian

Trong cuộc sống, con người rất nhiều lần ao ước trở lại với quá khứ ngọt ngào, trở lại với tuổi thơ trong sáng, hay đơn giản chỉ là trở lại ngày hôm qua để tránh cái lỗi lầm mình mắc phải. Nhưng thời gian luôn cuốn chúng ta đi về phía trước và giấc mơ quay lại ngày hôm qua cũng chỉ tồn tại trong

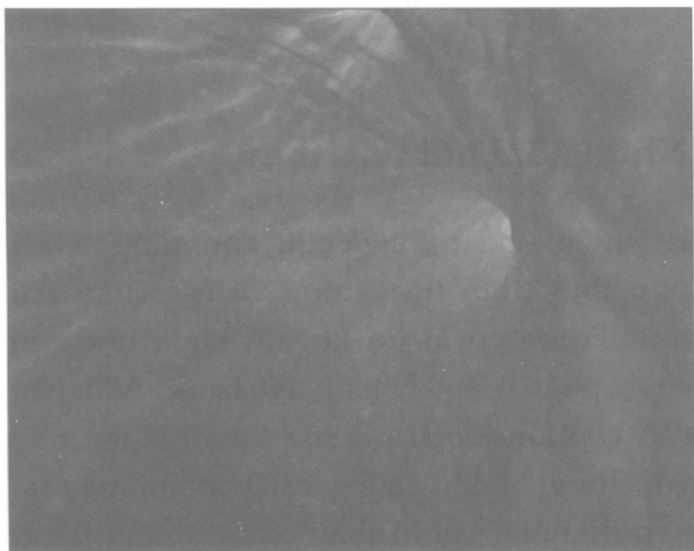
những câu chuyện cổ và nó còn viễn vông gấp nhiều lần giấc mơ bay lên như chim. Nhưng nhân loại đã chứng kiến nhiều điều kỳ lạ đã trở thành hiện thực. Như phát hiện ra điện chẳng hạn. Thời gian cứ trôi đi và giấc mơ đó cứ treo lơ lửng trước mũi của các nhà khoa học. Cho đến một ngày tạo hoá ban cho nhân loại một nhà khoa học khổng lồ, người làm đảo lộn tất cả mọi nguyên tắc khoa học cổ kim của nhân loại. Đó là thiên tài Einstein. Và giống những thách thức tuyệt đối của trí tuệ và mơ ước của con người, giấc mơ trở lại quá khứ bám lấy ông. Đó là giấc mơ bất tử. Giấc mơ khiến con người có thể không phải đối mặt với cái chết bằng cách “quay ngược” lại quá khứ để tiếp tục “sống lại” những ngày tháng đã trôi qua của mình. Chiến thắng cái chết chính là ước muốn lớn nhất của nhân loại và Einstein là biểu tượng cho chính ước muốn ấy. Sau khi nghiên cứu ánh sáng ông cho rằng, ánh sáng nghĩa là vượt qua tốc độ 300.000 km/s thì vật đó sẽ không bị chi phối bởi thời gian trong không gian ba chiều. Vật đó sẽ bước vào chiều thứ tư không gian. Phát hiện này làm dậy lên những trí tưởng tượng rằng nếu

chúng ta chế tạo được một tàu siêu tốc thì chúng ta có thể vượt qua sự chế ngự của thời gian. Dây cũng được coi như một ý tưởng điên rồ nhưng lẽ nào trong tất cả những phát minh kỳ diệu của nhân loại đã không hoài thai trong những bộ óc điên rồ! Nếu như chúng ta có thể chế tạo được con tàu vượt thời gian như vậy thì giấc mơ trở về quá khứ vẫn còn xa vời. Điều này còn phụ thuộc vào một lý do khác mà tôi sẽ trình bày ở phần sau. Phát hiện của Einstein cứ trôi đi vì hầu hết lý thuyết của ông, các nhà khoa học hậu thế mới làm được rất ít thực nghiệm. Cho đến cuối thế kỷ XX, vấn đề này một lần nữa lại bùng lên. Năm 1993, trong một cuộc thí nghiệm ở Pháp, các nhà khoa học lần đầu tiên tìm được trên máy gia tốc một vận tốc khủng khiếp: Vận tốc đó gấp 4 lần vận tốc ánh sáng. (Cho đến bây giờ, đầu năm 2003 này, các nhà khoa học đã tìm thấy những vận tốc gấp 14 lần vận tốc ánh sáng). Như vậy, những vận tốc siêu hạng đó còn tồn tại và nhiệm vụ của các nhà khoa học phải tạo được những con tàu từ những vận tốc ấy. Chúng ta phải chờ đợi điều này có thể vài chục năm, cũng có thể một thế kỷ

hay vài thế kỷ. Giả thiết rằng chúng ta tạo được con tàu vượt thời gian. Khi con tàu kỳ diệu đó đưa chúng ta thoát khỏi không gian ba chiều, lên một chiều không gian mà các nhà thần học gọi là không gian chiều thứ tư, chúng ta sẽ thoát khỏi sự chế ngự của thời gian. Lúc đó bằng những phương tiện kỹ thuật siêu hiện đại, chúng ta có thể nhìn thấy đời sống của chính chúng ta còn lưu lại hình ảnh trong không gian ba chiều (thật là ngộ nghĩnh khi ví dụ điều đó với việc chúng ta nhìn con cá vàng trong cốc thủy tinh sáu cạnh. Chúng ta sẽ thấy con cá vàng ở mọi nơi từ một điểm nhìn). Giấc mơ đó đòi hỏi con người sống thực tại bằng chính hơi thở này, xác thân này trong thời gian của quá khứ. Đó mới chính là cái đích cuối cùng mà tất cả những bộ óc khổng lồ nhất của nhân loại mong đạt đến. Nhưng làm thế nào để sống lại những giây phút quá khứ vì nếu như con tàu vượt thời gian quay trở lại vị trí nào đó của quá khứ vì vô tình nó lại rơi vào không gian ba chiều và do đó nó lại bị thời gian chế ngự! Nếu không thì đời sống của con người sẽ mãi mãi chỉ là ảo ảnh với chính con người đó. Trí óc tưởng tượng và khả

năng suy đoán của các nhà tư tưởng thì không. Họ cho rằng, điều đó có thể giải quyết được khi chúng ta tìm thấy chiều không gian thứ tư ngay chính trong cuộc sống thường nhật của chúng ta. Nhưng bằng cách nào để đạt điều đó thì họ cũng cảm lạng như giấc mơ vậy. Các nhà khoa học lại chìm vào thời gian quên lãng để làm việc. Lẽ nào trong một thế kỷ tới đây, tạo hoá lại không lộ thêm cho chúng ta những bí mật mới về giấc mơ này! Lẽ nào không có thêm những Einstein mới để đẩy trí tưởng tượng của loài người bay thêm một chặng dài mới. Nhưng chắc chắn điều gì con người ngày nay nghĩ ra bằng lý thuyết, ngày mai hậu thế sẽ trả lời. Đó là quy luật vĩnh cửu của đời sống nhân loại. Một nhân loại có thật nhiều sức lực, kiên trì và mơ ước như đời sống chúng ta.

Cuộc săn lùng phù thủy ở châu Âu thời trung cổ



lúa là diễn hết sức bình thường. Nhưng ở
thời Trung cổ, những ngọn lửa mà không
nhìn thấy "chất đốt" như thế khiến cho mọi
người hoang sợ và duy luận. Tuy nhiên, đó
chỉ là một lý do bên ngoài. Thực sự lịch sử
thủy lan tràn một cách mau chóng như vậy
liên quan đến văn hóa và suy nghĩ thời bấy
giờ. Trước khi Kitô giáo tràn vào, các dân tộc ở
ở châu Âu đều có những vị thần riêng của
mình và đa số các thần này thường xuyên

Những đại hội phù thủy

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng “dịch phù thủy” lan tràn trong xã hội châu Âu thời Trung cổ là do khi đó khoa học còn chưa phát triển. Ngành Hoá học, Vật lý... vẫn còn lẫn lộn trong ma thuật. Ngày nay với chúng ta, khí ga hay các loại khí mà mắt người không “nhìn thấy” cháy thành ngọn lửa là điều hết sức bình thường. Nhưng ở thời Trung cổ, những ngọn lửa mà không nhìn thấy “chất đốt” như thế khiến cho mọi người hoảng sợ và quy phục. Tuy nhiên, đó chỉ là một lý do bên ngoài. Thực sự dịch phù thủy lan tràn một cách mau chóng như vậy liên quan đến văn hoá và xung đột văn hoá. Trước khi Kitô giáo tràn vào, các dân tộc cổ ở châu Âu đều có những vị thần riêng của mình và đa số các thần này thường xuyên

được hiến tế trong các nghi thức phù thủy. Khi Kitô giáo tạo được vị thế trong xã hội châu Âu thì các nghi lễ phù thủy mất dần. Nhưng nhà thờ La Mã Trung cổ với sự khắt khe, giáo điều của mình đã khiến cho dịch phù thủy trở lại mạnh mẽ. Mỗi cộng đồng, mỗi nhóm dân cư đều tìm cho mình một vị phù thủy để chữa bệnh hay hiến tế cầu mùa. John Mayer, một nữ phù thủy nổi danh thời đó có rất nhiều phép thuật. Bà ta có thể nhìn vào một đồng củi ở cách xa một trăm mét khiến cho đồng củi bốc cháy hay nuốt một con chuột sống rồi tạo ra một con gà mái ở đằng sau... Lúc này, nhiều nhà bác học cũng ra tay làm “ma thuật”. Những nghiên cứu khoa học được cho là quyền lực của phù thủy nên mỗi khi một hợp chất nào đó biến đổi màu sắc hay cháy trong bình thí nghiệm là dân chúng quanh vùng đều được gọi đến chiêm ngưỡng.

Các phù thủy thường xuyên tổ chức đại hội phù thủy để chọn ra đại phù thủy. Đại hội ma thuật được nhắc tới nhiều nhất và cũng kinh hoàng nhất diễn ra ở một khu rừng cổ phía tây Scotland. Hàng trăm phù thủy ở châu Âu theo lời mời của đại phù

thủy Peter Hopper, một phù thủy có khả năng bay lượn trên... mái nhà để tiến về khu rừng. Đại hội kéo dài trong mười đêm. Có gần một trăm phù thủy “non tay” đã bị giết để hiến tế trong rừng. Để tổ chức đại hội này, mỗi người dân trong vùng phải đóng góp một con vật nuôi trong nhà mình để giết lấy máu... hiến tế. Tuy nhiên, căn cứ vào mùi rượu và mùi thịt nướng toả ra từ khu rừng cùng tiếng hò hét thì đó chính là bóng dáng của một cuộc đánh chén say sưa. Peter Hopper ra lệnh cho các phù thủy trở tài bên một cái đầm lớn giữa rừng. Một phù thủy phải dùng phép thuật để bắt cá dưới hồ lên. Mụ ta đứng trên bờ đầy cỏ dại cao ngút đầu, múa may quay cuồng nhưng không có con cá nào bay lên cả. Hopper đẩy mụ ra và đứng vào đó. Hắn hú lên một tràng dài. Tức thì có một con cá còn sống nguyên bản vọt lên vào giữa đám phù thủy. Mụ phù thủy thất bại bị giết ngay. Cứ thế, gần một trăm phù thủy bị giết do không bay qua được hồ, hay.. không ném được đá xuống nước sao cho không có tiếng động... Cuối cùng, để cứu lấy mạng sống của mình, các phù thủy còn lại chính

Cuộc săn lùng phù thủy ở châu Âu thời trung cổ

thức tôn sùng Peter Hopper làm đại phù thủy, cai quản các phù thủy ở châu Âu. Sau khi ăn uống no nê, các phù thủy giải tán, tên tay chân của Hopper mới chui lên khỏi bãi cỏ cạnh đầm. Hắn ta chỉ kịp nói rằng, hắn ném con cá lên thật đẹp thì đã bị giết để bịt đầu mối. Peter Hopper lộ ra hắn chính là một tên cướp khủng khiếp thời bấy giờ. Để răn đe những ai định bắt mình, Hopper đã tìm cách khoác lấy chiếc áo choàng đen của ma thuật.

Cuộc truy lùng phù thủy đẫm máu

Do có quá nhiều người chết vì được “chữa bệnh” bởi phép phù thủy nên xã hội châu Âu có một cuộc tổng “thanh tẩy” trên toàn châu Âu. Những người cầm quyền dưới sức ép của Toà thánh La Mã đã phát động một cuộc tàn sát phù thủy. Tòa án kết tội rằng bất kỳ phù thủy nào cũng phải nhận một cái chết là bị thiêu sống trên giàn lửa. Từng đội lính lùng sục về những miền quê hẻo lánh để săn tìm phù thủy. Ban đầu dân chúng phản ứng lại cuộc truy lùng này

một cách mạnh mẽ. Nhiều phù thủy đã tập hợp được dân chúng ngăn cản quân lính. Nhưng cái chết của phù thủy đại tài John Mayer đã khiến mọi người bưng tỉnh. Đường thời phù thủy John Mayer là một đại phù thủy nổi danh khắp châu Âu. Bà ta có thể phun ra lửa, gọi gió, đi trên biển bằng chân trần, trò chuyện với những linh hồn... Trong các đại hội phù thủy, bà ta thường là phù thủy đầu tiên được quyền thổi lên ngọn lửa xanh ma quái. Chính bà, phù thủy John Mayer đã khiến sóng thần dâng lên nhấn chìm cả ham đội Thổ Nhĩ Kỳ hùng mạnh... Những lời đồn về phép thuật kỳ lạ của mụ phù thủy này mạnh đến mức nhiều người tin rằng mụ ta có được quyền phép vô biên có thể định đoạt được cái sống cái chết cho mọi người. Chính vì vậy mà khi John Mayer bị bắt, dân chúng đổ dồn đến rất đông. Mọi người đến không phải để cứu mụ phù thủy này mà do họ mong muốn được thấy tận mắt mụ trở tài trước đám lính được trang bị vũ khí. John Mayer bị kết tội phù thủy và phải nhận hình phạt trên giàn lửa thiêu. Khi ngọn lửa bắt đầu bốc cháy, mụ la lớn. Người ta chờ đợi mụ sẽ gọi mưa

xuống đập lửa hoặc sẽ dứt tung dây trói để bay đi. Nhưng không có gì xảy ra, mụ phù thủy như không có tí phép thuật nào hết và bị thiêu cháy. Những người có mặt tỉnh ngộ. Cuộc truy lùng phù thủy diễn ra nhanh chóng hơn. Mọi người thấy lâu nay họ bị đám phù thủy lừa dối nên đã tức giận không bao che cho chúng nữa. Có những vùng, người dân tự nguyện trói phù thủy lại và nộp cho quân lính. Theo các nhà sử học thì từ thế kỷ thứ mười cho đến thế kỷ mười hai, ở châu Âu có gần 300 ngàn phù thủy bị giết. Tuy nhiên, cuộc truy lùng và hành quyết các phù thủy này dần dần biến thành những cuộc trả thù cá nhân rất tàn khốc. Nhiều nhà hoá học, vật lý đã bị giết oan vì các công trình nghiên cứu mình. Roy Haley, một trong những nhà hóa học trẻ đầy triển vọng của nước Anh cũng bị giết vì một lý do tương tự. Haley suốt ngày giam mình trong phòng nghiên cứu. Sau nhiều thí nghiệm thất bại, Haley bất ngờ tìm thấy một hỗn hợp chất mà khi lắc mạnh có thể tạo ra phản ứng nổ. Ông cho hỗn hợp khí vào một chiếc bình thủy tinh và ném nó ra xa. Chiếc bình nổ tung. Một vị giáo sư vì

muốn tranh phòng thí nghiệm với chàng trai đã báo cáo với toà án rằng Haley đang “luyện” phép thuật trong phòng thí nghiệm. Trước mắt quân lính, những chiếc bình khí của Haley vẫn đổi màu và gây ra những tiếng nổ nhỏ. Lập tức Haley bị kết án dù có nhiều nhà khoa học gửi thư đến tòa án để chứng minh tính khoa học của những gì mà họ buộc tội là ma thuật. Trong phiên toà xử Haley, toà án đã phán một câu mà sau này câu đó trở nên tiêu biểu cho cuộc tổng truy lùng phù thủy: “Ngay cả những gì có ích nhưng lại khiến cho số đông hiểu lầm là ma thuật thì cũng phải thiêu hủy. Tất cả những thứ đó độc hại chẳng kém gì những tà thuật phù thủy”. Do vậy, nhiều nhà vật lý, nhà hoá học... lừng danh vì không chịu chối bỏ niềm tin vào khoa học của mình nên đã phải bỏ mạng trên giàn thiêu. Câu chuyện về cuộc đời hai thiên tài khoa học của nhân loại là Brunô và Galilê là câu chuyện đau lòng nhất về cuộc truy lùng phù thủy của châu Âu. Danh tiếng khoa học của hai ông đều đã khiến cả thế giới phải kính phục nhưng số phận đẩy cả hai người vào một sự lựa chọn y hệt nhau. Do

Cuộc săn lùng phù thủy ở châu Âu thời trung cổ

sự ủng hộ mạnh mẽ của công chúng đối với cuộc truy lùng phù thủy nên các nhà cầm quyền đã lợi dụng điều đó để răn đe những người không phục tùng mình. Dưới áp lực của Toà thánh La Mã, toà án lệnh cho hai nhà khoa học đầy uy tín này phải từ bỏ mọi niềm tin khoa học, rút lại mọi kết luận khoa học của mình, nếu không, họ sẽ bị kết tội là sử dụng thuật phù thủy và sẽ phải lên giàn thiêu. Brunô kiên quyết giữ lại niềm tin khoa học của mình và khi bị đưa lên giàn thiêu ông vẫn còn lớn tiếng khẳng định chân lý khoa học. Trái lại, thiên tài Galilê, dưới mối đe dọa của ngọn lửa giàn thiêu đã được dựng lên, ông đành từ bỏ niềm tin khoa học của mình và tuyên bố theo lời của toà án là Trái đất là tâm của vũ trụ nên Trái đất đứng im. Sau này, nhiều sử gia cho rằng, sau khi được tha, Galilê vẫn nói: “Nhưng dù sao Trái đất vẫn quay”. Tuy nhiên, đó chỉ là “chi tiết” thêm vào sau này của hậu thế vì chân lý khoa học đó đã được chứng minh dù Galilê, người phát hiện ra, đã chối từ.

Cuộc truy lùng phù thủy kết thúc vào thế kỷ XIII và hậu quả của nó là làm cho nhân

loại mất đi khá nhiều thiên tài, làm chậm lại bước tiến của khoa học kỹ thuật. Tuy nhiên, nó cũng góp phần “làm sạch” đời sống tinh thần xã hội để giúp cả châu Âu bước vào thời kỳ phục hưng văn hoá rực rỡ.

Người khổng lồ - Huyền thoại và sự thật



Thân thể loài người trong lịch sử phát triển của mình đã từng to lớn như thế nào? Liệu những hậu duệ của chúng ta có phát triển trở thành những người khổng lồ không? Nhiều nhà văn, nhà khoa học đều đã lần lượt chứng minh điều này. Mặc dù những chứng cứ thực sự về một loài người khổng lồ chưa được kiểm chứng xác thực nhưng chúng cho chúng ta biết một điều rằng, không phải giai đoạn nào loài người cũng muốn trở thành người khổng lồ!

Phả hệ của những người khổng lồ?

Theo như thuyết tiến hoá tự nhiên của Darwin thì loài người được phát triển nên từ loài vượn người thông minh. Xét về kích cỡ cơ thể, không thể có một “tổ tiên” nào được gọi là người khổng lồ... Thậm chí, kích cỡ cơ thể của những tổ tiên đầu tiên, qua nghiên cứu các di vật khảo cổ, còn bé nhỏ hơn nhiều so với con người hiện đại. Nếu dựa theo thuyết chọn lọc tự nhiên, nếu như đã tồn tại một loài người khổng lồ thì chắc chắn con người sơ khai sẽ không thể tìm ra lửa nhanh đến vậy. Điều này có thể giải thích đơn giản. Theo các nhà nghiên cứu thì khi con người sơ khai xuất hiện, trên trái đất đã được phủ kín cây cỏ và có rất nhiều loài thú sinh sống. Nếu con người có sức mạnh cơ bắp vượt

trội, người đó sẽ kiếm ăn một cách rất dễ dàng chứ không cần đến sự hoạt động của trí óc. Những người tin rằng có người “khổng lồ” cũng không thể dẫn ra một bằng chứng nào để chứng minh sự tồn tại của những tổ tiên khổng lồ. Những năm sáu mươi của thế kỷ trước, các nhà khoa học ảo tưởng của châu Âu đã mở tiệc ăn mừng khi một nhà leo núi “tình cờ” phát hiện một bộ xương khổng lồ với các đốt xương to như xương voi và hộp sọ lớn gấp bốn lần bình thường. Các giả thuyết về một tổ tiên khổng lồ đã bị tuyệt diệt lại xuất hiện. Nhiều người than vãn về thời hoàng kim của cơ thể con người. Bộ xương được chuyển đi để đo tuổi trong nước carbon. Lúc đó, người ta mới chưng hửng vì một trò giả dối trong khoa học, bộ xương đó đúng là xương... voi, còn hộp sọ được ghép nối rất tinh vi. Nhưng có nhiều nhà khoa học vẫn khăng khăng giữ ý kiến của mình. Họ cho rằng chắc chắn đã tồn tại loài người khổng lồ. Bởi vì nếu với loài người bình thường gần với loài người hiện nay thì ai đã tạo ra những kiến trúc khổng lồ của các nền văn hoá cổ đại, khi đó nền khoa học còn rất thô sơ. Câu chuyện về

người khổng lồ thường không giữ được sự liên tục trong việc nghiên cứu khoa học vì những chứng cứ khoa học rất mập mờ. Nhưng vấn đề đó được đánh dấu bởi một sự kiện có một không hai mà các nhà khoa học vừa tìm thấy. Chúng ta đều đã biết đến huyền thoại về chiếc thuyền khổng lồ của Noe. Chiếc thuyền khổng lồ đã cứu được loài người sống sót sau cơn đại hồng thủy. Theo các sách cổ miêu tả thì con tàu khổng lồ ấy chính xác được đóng để dành cho những người khổng lồ. Thời đó người ta không thể dự báo trước được hạn hán, lũ lụt nên không thể biết được nạn hồng thủy sẽ đến lúc nào để đóng tàu. Như vậy, con tàu đó được đóng với ý định “sử dụng bình thường” của những người khổng lồ. Nhưng câu chuyện đó tất cả mọi người đều tin là một huyền thoại, một câu chuyện tượng trưng về sức mạnh của con người. Nhưng năm 2002 đã thay đổi tất cả. Những bức ảnh chụp trái đất từ các khinh khí cầu đã giúp các nhà khoa học phát hiện ra dấu vết thực sự của một con tàu khổng lồ trên đỉnh núi. Vị trí con tàu và những dấu hiệu cho thấy rõ ràng đó chính là con tàu Noe huyền thoại.

Vậy những người khổng lồ ở đâu? Các nhà khoa học cổ đại đã cố gắng tìm kiếm một “phả hệ” của người khổng lồ nhưng bất lực. Người đưa ra bản phả hệ nổi tiếng nhất đó là nhà khoa học cổ Prin. Trên các nghiên cứu của mình, Prin đưa ra dòng phả hệ của người khổng lồ xuất phát từ văn hoá... Hy Lạp với giống người khổng lồ Cyclops một mắt sống trên đảo Crete. Nhưng phả hệ của ông bị nghi ngờ vì phần nhiều tư liệu ông đều dựa vào văn hoá Hy Lạp cổ và đặc biệt dựa vào hai bản trường ca bất hủ của Homer. Do có nhiều chi tiết thần thoại và hoang đường, lại không có những chứng cứ cụ thể khác nên bản phả hệ này được coi như một tác phẩm văn học hơn là một công trình nghiên cứu khoa học. Phả hệ này được “sống lại” bởi một nhà bác học, nhà văn lừng danh, người mở đầu thời kỳ phục hưng văn hoá Pháp. Đó là Rabelais. Trong cuốn tiểu thuyết: “Gargantua và Pantgruel”, ông đã dành hẳn chương đầu bàn về nguồn gốc của người khổng lồ. Một phả hệ khổng lồ mới, dựa trên bản của Prin, được viết dưới dạng câu chuyện văn học. Với từng “nhân vật” trong phả hệ, tác giả đã chú thích

rất rõ ràng. Thậm chí mỗi câu, mỗi từ khó hiểu trong phả hệ đều được chú thích rất kỹ các nguồn gốc trích dẫn và các nhà khoa học cổ đại nào đã nghiên cứu về nó. Tuy nhiên, giống như bản phả hệ trước, chương sách của Rabelais cũng có nhiều chi tiết hoang đường, thần thoại. Người đọc bình thường đọc nó với một cảm thức hài hước. Và lại, những nhà khoa học muốn xác minh lại những điều trích dẫn trong chương sách này cũng khó có thể lòng lại được các cuốn sách cổ. Tuy vậy, có một điều lạ lùng là, mặc dù nguồn gốc người khổng lồ luôn luôn là đề tài hết sức hấp dẫn cho con người hiện đại nhưng dường như các nhà khoa học không mặn mà lắm khi nghiên cứu vấn đề này. Có thể vấn đề không thiết thân lắm với sự phát triển của con người?

Con người hiện đại có muốn trở thành khổng lồ?

Những câu chuyện về giống người khổng lồ thường chỉ xuất hiện trong các câu chuyện cổ tích, thần thoại. Trong đó, người khổng lồ với sức mạnh cơ bắp khủng khiếp

đã có thể bạt núi, ngăn sông. Những công việc nặng nhọc chúng ta phải làm trong cả năm trời thì người khổng lồ chỉ làm trong chốc lát. Tuy vậy, mặc dù có sức mạnh cơ bắp kinh hoàng nhưng cơ cấu của “xã hội khổng lồ” cũng chẳng khác gì cơ cấu xã hội cổ đại cả. Điều đó chứng tỏ rằng, xã hội khổng lồ chính là một sản phẩm thần thoại. Nhưng có hai điều chúng ta phải lưu ý đặc biệt. Thứ nhất, rất ít câu chuyện thần thoại đề cập đến cả một “xã hội khổng lồ”. Những cộng đồng khổng lồ đông đảo chỉ được các nhà văn hiện đại tưởng tượng sau này và đưa lên phim ảnh. Có lẽ, ngay trong tâm thức của con người, một xã hội toàn những người khổng lồ có sức mạnh kinh hoàng là điều không thể tồn tại và nếu người khổng lồ làm gì khi những công việc chỉ cần đến một người là có thể làm xong trong nháy mắt! Hơn nữa, con người không thể hình dung được một xã hội bền vững khi có quá nhiều người có sức mạnh. Chính vì vậy nên có rất ít huyền thoại cổ xưa về các cộng đồng khổng lồ. Điều thứ hai cần phải nhấn mạnh rằng, trong thần thoại, những người khổng lồ xuất hiện riêng lẻ lại thường có trí

óc rất kém, đôi khi khá ngớ ngẩn và cần một con vật nào đó bé nhỏ chỉ dẫn hành động. Như vậy, trong tâm thức sơ khai của con người, người khổng lồ càng phát triển về thể xác thì tinh thần càng kém. Tâm thức này biến đổi khi các huyền thoại có pha nhiều chất lịch sử biến thành các truyền thuyết. Trong đó, những vị tổ tiên khai sáng ra dân tộc được hình dung như một người khổng lồ, có sức mạnh cơ bắp toàn năng. Hơn nữa, người khổng lồ này thường có trí óc rất linh động và thông minh tuyệt đỉnh... Nhưng trong tâm thức loài người, “người khổng lồ” dần dần bị tiêu diệt và bị thay đổi ý nghĩa rất nhiều. Điều này phản ánh đúng sự phát triển tinh thần và trí tuệ của con người. Khi trí tuệ con người còn chưa phát triển, con người chưa sáng chế ra những dụng cụ, máy móc có thể giúp mình lao động thì khi đó, sức mạnh cơ bắp được tôn vinh. Nhưng khi khoa học đã phát triển thì những “người khổng lồ” phải biến mất vì họ “tồn tại không để làm gì”. Lúc này, thậm chí sức mạnh cơ bắp còn bị coi là sức mạnh tự nhiên man dại cần phải thuần phục. Những “nhân vật” khổng lồ giờ đây lại được hình dung cho

những con quỷ man rợ, ghê gớm... Cả nền văn hóa châu Âu biến đổi cùng với câu chuyện vua David đánh bại con quỷ khổng lồ Goliath. Câu chuyện đã biến thành một tiền đề cho sự phát triển tinh thần. Khi có ai đó có một nỗ lực tinh thần vượt bậc, người ta sẽ nói “hãy xem kìa, David đã đánh gục Goliath như thế đấy”. Cho đến ngày hôm nay thì hình ảnh “người khổng lồ” hoàn toàn mang lại một cảm giác ghét bỏ, bất an cho con người. Những người khổng lồ trên các phim viễn tưởng hay trong phim hoạt hình dường như đều đại diện cho thế lực xấu và một hiệp sĩ bé con, hiệp sĩ có sức mạnh trí óc sẽ đánh bại con quỷ khổng lồ ấy.

Nhưng một thân thể khổng lồ có thể có một trí óc khổng lồ không? Nếu như trả lời được câu hỏi này thì chúng ta mới trả lời được câu hỏi rằng loài người hiện đại có muốn trở thành khổng lồ hay không. Lịch sử tự nhiên của cả loài người lẫn loài vật đều đã chứng minh rằng, nếu như một loài nào đó có sức mạnh cơ bắp quá lớn thì sự nhanh nhẹn trí óc sẽ không phát triển. Khi đó, sự kiếm thức ăn và tự bảo vệ mình trở nên quá đơn giản. Chỉ có những loài vật nhỏ, luôn ở

trong tình trạng khó khăn, luôn bị những loài thú lớn khác đe dọa ăn thịt, những loài đó mới dần dần phát huy những kỹ năng để bảo vệ cuộc sống của mình. Nếu con người có một thân thể khổng lồ với sức mạnh khủng khiếp thì con người đó có thể kiếm ăn một cách dễ dàng và mọi thứ xung quanh phải tránh xa nó. Tinh thần như vậy sẽ ngủ yên, không phát triển. Như vậy, con người hiện đại với sự phát triển không ngừng của trí óc, giấc mơ khổng lồ không bao giờ tồn tại. Nhiều nhà nhân chủng học thậm chí còn lo ngại rằng, khi máy móc đã làm thay mọi việc của con người trong tương lai, thân xác của loài người thậm chí còn nhỏ đi rất nhiều.

Bắt ma trời và sự thật về loài ma tinh nghịch



Đang đi một mình giữa đồng không mông quạnh hay một con đường nào đó thanh vắng, đột ngột hiện lên trước mặt một ngọn lửa xanh rờn rợn, lập lò, lập lò xoay quanh. Nếu người đó chạy, ma trời sẽ đuổi theo đến cùng. Những người bị ma trời chòng ghẹo thú nhận rằng ma trời chỉ tan biến đi khi họ chạy đến vùng đèn sáng hoặc gục xuống bất tỉnh vì sợ!

Lối mòn xuyên qua rừng khiếp đảm

Buổi tối vùng đông bắc nước Anh im ắng. Joe rời khỏi nhà băng ngang khu rừng nhỏ đến dự tiệc với mấy người bạn thân. Khu rừng ngay trước cửa là một khu rừng thưa, mới trồng chứ không phải là rừng mọc tự nhiên. Những tán cây chỉ cao hơn đầu người một chút. Ngày nào Joe cũng đi qua khu rừng đấy nên anh biết rõ mọi ngóc ngách trong rừng. Dù vậy Joe vẫn run rẩy khi bắt đầu bước chân vào khu rừng. Lẽ ra Tomer đi cùng anh, nhưng cậu ta đã đi trước. Một cành lá quệt vào má Joe khiến anh rung mình. Một cảm giác ớn lạnh sống lưng. Những cái lá đung đưa, đung đưa và to dần lên. Joe cố mở to mắt để nhìn rõ lối mòn và tránh không bị lá quệt vào. Hình như có tiếng động nào đó. Joe cắn môi bật máu, hàm răng va vào nhau. Hai tay Joe bóp chặt

lấy nhau. Hình như có ai đó đang đi đằng sau mình. Joe nghĩ rằng nếu cứ cúi mặt nhìn đường thì còn sợ hơn nữa. Vùng rừng thấp khiến cho ánh trời tràn đầy xuống. Anh trấn tĩnh lại và ngẩng đầu lên. Xa một chút, ánh sáng đã chiếu tới từ những ngọn đèn đường. Joe đi nhanh hơn và đoán chừng mình mất vài phút nữa là sẽ tới vùng cây có ánh điện chiếu vào. Chân đi, mắt nhìn hút vào làn ánh sáng đang toả tới. Bất chợt trước mắt Joe có một đốm lửa xanh xanh không rõ hình thù chồn vờn, chồn vờn. Joe lắc đầu đưa tay dụi mắt. Đốm lửa lớn thêm lên. Tim Joe như ngừng đập. Loại ma trời mà mọi người thường nhắc đến xuất hiện trước mắt anh. Loại ma trời này không hại người nhưng nếu càng sợ, thì nó càng dọa dẫm mình. Người bị ma trời dọa nạt mà bỏ chạy thì nó càng đùa cho đến khi người đó ngất đi vì sợ. Người chạy dù nhanh đến mấy cũng vẫn thấy con ma lửng lơ xanh rờn rợn vây quanh đầu mình. Joe cố trấn tĩnh nhưng anh nghe rõ cả tiếng tim mình đập thành thịch. Anh quay đầu tránh nhìn đốm lửa. Bất chợt thấy đốm lửa xanh lẹt nhoáng một cái kéo thành một vệt dài và lại hiện ra ngay

trước mắt anh. Ngọn lửa chồm vờn như định tấp vào mặt Joe. Không thể bỏ chạy được. Joe biết vậy bèn gắng lấy hết cam đảm bẻ một cành cây nhỏ bên cạnh. Tiếng nhánh cây gãy “tách” nghe rùng rợn. Joe cầm nhánh cây khua loạn xạ vào đốm lửa trước mắt mình hòng đập tan nó. Trong khi làm như vậy, mắt Joe nhắm nghiền lại và mong rằng khi mở mắt ra thì cái đốm sáng đó tan biến. Khuya một hồi, Joe hé mắt nhìn. Đường như cả bầu trời trước mắt Joe đầy ma trơi. Những đốm lửa, tia lửa xanh rờn rợn, lượn lờ, phủ kín nhánh cây anh đang nắm. Không còn suy nghĩ gì nữa, Joe vút mạnh nhánh cây và cầm đầu chạy thục mạng. Anh đâm sầm vào một thân cây và ngã xuống. Không thể vừa nhắm mắt vừa chạy được. Joe mở mắt ra và tức thì con ma trơi chồm vờn ngay trước mắt anh. Joe nhồm dậy và chạy. Dầu anh lắc về bên nào thì con ma trơi bay về bên đó. “Nó vô hại mà”. Joe tự trấn an và cố chạy. Khi anh chạy tới vùng sáng của ngọn đèn đường đầu tiên thì con ma biến mất.

Ngay khi câu chuyện của Joe được đăng tải trên mạng internet, khu rừng thưa đó trở

thành nơi hấp dẫn những kẻ hiếu kỳ. Nhiều người mạo hiểm đi vào rừng giữa đêm khuya để mong một lần gặp ma trời. Nhưng có lẽ những kẻ hiếu kỳ cam đảm như vậy thì ma trời không dám đùa chằng nên không thấy có thêm ai gặp được ma trời ở khu rừng ấy nữa. Ma trời là con ma mà nhiều người ở nhiều nơi trên thế giới kể lại là được gặp nhiều nhất. Những người già thì thường mang ma trời ra dọa con trẻ. Thường thường, những người gặp ma trời là những bà già hay những đứa trẻ nhút nhát. Họ gặp ma trời, khiếp vía và về kể lại cho những người khác. Nhưng câu chuyện của họ rất khó tin vì có những người can đảm sẵn sàng ra đứng tại chỗ hay có ma trời để gặp ma một lần nhưng họ không bao giờ gặp được. Tại sao vậy.? Phải chăng con ma trời cũng “yếu đuối” lắm. Chúng chỉ dọa nạt được các bà già hay những đứa trẻ nhút nhát thôi ư? Hay các bà già muốn “bịa” ra những con ma trời như vậy để hù dọa và răn đe những đứa nhỏ không cho chúng đi chơi buổi tối? Thực sự là ở các vùng nông thôn, nhất là ở những con đường xuyên qua cánh đồng nơi có nghĩa trang, thỉnh thoảng vẫn có người gặp

ma trời. Vậy con ma chuyên trêu ghẹo bà già và những đứa trẻ nhút nhát ấy có thực không và hình thù, tính chất của nó như thế nào? Các nhà khoa học đã tìm cách bắt lấy một con ma trời và tìm ra một bí mật cực kỳ hấp dẫn về loài ma này.

Sự thật về loài ma tinh nghịch

Ma trời trong dân gian là một loài ma nhỏ, hiện lên như một ngọn lửa nhỏ, xanh lè tinh quái hay trêu chọc người đi đường. Loài ma này là hồn của những đứa trẻ tinh nghịch chết sớm. Do chưa mang lấy nhiều nghiệp chướng nhân gian nên loài ma này không bị đẩy xuống địa ngục nhưng cũng không đủ duyên phận để siêu thoát. Trong khi chờ đợi đầu thai vào kiếp khác, những linh hồn tinh nghịch này rong chơi và hù dọa người qua đường. Vì là linh hồn trẻ nhỏ nên những con ma trời cũng không dám hù dọa, trêu chọc những người cam đảm mà chỉ trêu đùa những đứa trẻ yếu đuối nhất gan hay những bà già đã quáng mắt. Nhưng chúng chỉ trêu đùa thôi chứ không làm hại thực sự đến người khác. Để tránh gặp ma

trời, người già khuyên lũ trẻ đi đêm nên đốt đuốc to hoặc nhiều người đi cùng nhau, mang thêm một con mèo hay con chó đi cùng. Lũ ma trời thấy vậy tất sợ mà không dám hù dọa nữa. Loài ma trời ngự trị trong câu chuyện kể của người già ở bất kỳ đâu trên thế giới này. Đường như vùng nào cũng có người gặp ma trời nhưng hình dáng của con ma này chỉ được kể lại là nó xuất hiện dưới một đốm lửa hay một ngọn lửa xanh lè, chập chờn trước mắt. Đến những thế kỷ gần đây, khi khoa học phát triển mạnh mẽ người ta dường như biết được con ma trời là loại ma gì và xuất phát từ đâu. Các nhà khoa học dựa vào vị trí mà ma trời hay hù dọa người đi đường là ở những lối đi cạnh nghĩa trang để chứng minh rằng: Ma trời thực chất chỉ là hợp chất phốt-pho thoát ra từ xương người chết và cháy lên thành ngọn lửa. Ma trời chờn vờn nếu không vì gió thì cũng vì người đi đường sợ hãi, chạy tạo ra gió. Nhưng có một điều bất hợp lý. Nếu chỉ là hỗn hợp của phốt-pho thì tại sao ma trời lại bay lượn trước mắt người đi đường và cứ bám riết lấy họ cho đến khi có ánh sáng khác mới chịu tắt? Tại sao ở nhiều

con đường rõ ràng là không có nghĩa trang, không chôn xác người ở dưới nhưng vẫn có ma trời? Đây là những câu hỏi chính đáng mà các nhà khoa học bó tay không trả lời được. Đúng là ở những nghĩa trang vào buổi tối khi trời vừa mưa xong, hỗn hợp khí phốt-pho thoát lên từ đất và bốc cháy với ngọn lửa lân tinh xanh lét. Nhưng ngọn lửa lân tinh này dù có cháy phát phơ mấy đi chăng nữa thì cũng không thể hù dọa liên tục và dai dẳng nhất người đi đường như vậy. Cho nên có thể khẳng định rằng những ngọn lửa lân tinh cháy lên trong những nghĩa trang đây không phải là ma trời. Để khẳng định rõ ràng điều này, các nhà khoa học Anh thế kỷ 18 đã thử tìm cách “bắt” lấy một con ma trời. Họ tìm được Kelly, một bà già thỉnh thoảng gặp ma trời ở đoạn đường từ nhà bà ta ra tới đường lớn. Con đường được khảo sát kỹ càng để chứng minh chắc chắn rằng không có một xác người hay xác thú nào chôn dưới đó. Kelly sống một mình trong căn nhà nhỏ cách xa khu dân cư. Mỗi khi ra khỏi nhà ban đêm, bà thường mang một ngọn đèn lớn. Nhưng kỳ lạ thay, cứ đi được nửa quãng đường, khi bà có thể nhìn

thấy ánh sáng trong nhà bạn mình phía xa xa thì đèn của bà lại chao đi và vụt tắt. Thỉnh thoảng bà vẫn bị ma trời trêu ghẹo. Khi đó bà nắm chặt cây thánh giá nhỏ trong tay, lầm nhảm cầu nguyện và can đảm không chạy, đi từ từ đến nhà bạn. Thuyết phục mãi bà mới chịu nhận "bắt" con ma trời này vì theo bà đó cũng là một sinh linh bất hạnh. Bà được giao cho một chiếc vợt nhỏ, dài tầm đầy các hoá chất rất nhạy với lửa. Việc của bà là khi gặp con ma trời bà chỉ cần vung vợt vào đốm lửa đó thôi. Kelly rất sợ hãi tay nắm chắc vợt. Nhưng qua mấy chục đêm liền, con ma trời vẫn không xuất hiện trở lại. Người ta mách rằng nếu mọi người cứ chú ý vào việc này thì có nghĩa là Kelly đi đường sẽ thấy rất vững tâm, không còn sợ hãi nữa. Con ma trời thấy có nhiều người theo dõi nó thì làm sao nó dám ra trêu chọc. Chiếc vợt được tặng lại cho Kelly và mọi người giải tán. Bà thấy mọi người bỏ đi hết liền cảm thấy bốn chôn chỉ sợ con ma kéo cả đàn ma trời đến để hù mình. Bà bỏ đến nhà bạn chơi mấy hôm. Nhưng do sống một mình nên cuối cùng Kelly cũng phải ra khỏi nhà và đi trên con đường đó. Bà canh

cánh răng thế nào con ma cũng ra hù dọa mình. Tay nắm chắc cái vợt, bà cố đi nhanh. Làn sáng trong nhà người bạn đã toả xa xa. Bà cố rảo chân. Bỗng con ma xuất hiện ngay trước mắt bà. Kelly vung vợt vọt liên tục vào nó. Bà thấy hoa mắt lên. Con ma biến thành muôn ngàn con ma khác cứ chập chờn xoay tít trước mắt bà. Kelly không còn hồn vía nào cả vút vợt chạy thẳng. Khi chạy đến cửa sổ ngôi nhà bạn có ánh sáng hắt ra, lũ ma mới biến mất. Hôm sau người ta tìm lại được cây vợt. Không có dấu vết gì của một ngọn lửa cả. Như vậy hiển nhiên ma trời không phải là do khí phốt-pho cháy lên mà tạo ra.

Nếu chúng ta để ý thì sẽ thấy những vị trí hay gặp ma trời là những nơi đã đến gần một vùng sáng nào đó. Chỉ cần đi khoảng dăm phút là vào vùng phạm vi của ánh sáng. Với những người yếu đuối, nhút nhát, khi đi đường một mình trong đêm tối, họ luôn có cảm giác lo âu vì bóng tối, vì những con ma. Sự lo âu này khiến thần kinh của họ luôn căng thẳng, chỉ một tiếng động bất thành linh cũng khiến họ mất vía, nếu không bỏ chạy thì cũng ngất đi. Trong tâm trạng lo

âu đó, họ chỉ mong gặp chút ánh sáng nào đó thì mới an tâm. Khi đến khoảng cách gần với phạm vi ánh sáng trước mặt, họ đột nhiên vui mừng và ước ao đi tới ngay vùng sáng đó cho đỡ sợ. Mắt họ mở to, hút chặt vào phía vùng sáng. Bình thường nhìn lâu vào một ngọn đèn nào đó, mắt của bất kỳ ai cũng sinh ra một bóng sáng nhỏ, mờ ảo ngay trước mặt mình. Đây cũng vậy. Đốm sáng phản quang xuất hiện ngay trước mắt kẻ yếu đuối và họ càng cố chạy nhanh đến vùng sáng, càng cố nhìn vào vùng sáng thì ánh lấp loá trước mắt họ càng tăng và càng nhảy múa lung linh. Chỉ khi họ sợ quá ngất đi mắt nhắm lại giây lâu, hoặc cố chạy tới phạm vi vùng sáng thì cái bóng sáng ấy mới biến mất. Những bóng sáng phản quang đó đã bị hiểu lầm là loài ma trời tinh nghịch hay hù dọa người đi đường.

Cao Biền, thành Đại La, bùa chú và sự thật



Mấy tháng trước, đội nạo vét sông Tô Lịch đã phát hiện nhiều đồ vật cổ cũng như xương người và gia súc dưới đáy lòng sông. Lập tức có nhiều lời đồn thổi về chuyện Cao Biền yểm bùa xưa. Những câu chuyện buồn ngẫu nhiên của gia đình các thành viên trong đội nạo vét được gán cho những lý do bí mật mơ hồ liên quan đến chuyện bùa chú. Rồi đập đất ngăn bị vỡ ra tự nhiên, rồi một chiếc máy xúc rơi xuống lòng sông... Một số tờ báo cũng khai thác chuyện này để bán báo nên mọi thứ càng mù mờ. Các nhà khoa học được mời đến, người này, người nọ cho rằng những hiện vật đó cũng có thể từ một nghi thức tế lễ nào đó thời xa xưa... Nhưng rốt cục cái gì đã xảy ra trong quá khứ? Phải chăng Cao Biền đã yểm bùa thành Đại La?

Cao Biền và thành Đại La

Theo truyền thuyết, Cao Biền là một phù thủy rất cao tay của Trung Quốc. Mỗi lần trời nổi giông gió, có sấm chớp là Cao Biền lại cưỡi kỳ lân bay sang nước ta và các vùng đất bên ngoài nước Trung Hoa. Các đạo sĩ đều cho rằng, khi có gió bão lớn “rồng đất” sẽ thức dậy và lộ ra. Linh khí của đất hiện lên để ứng hợp với sức mạnh của trời. Cao Biền bay lượn trên cao nhìn xuống phát hiện ra vùng đất nào có “long mạch” là yểm bùa xuống. Truyền thuyết về Cao Biền có sức cuốn hút đến mức, xưa kia, hầu như người già nào cũng kể lại cho con cháu nghe để hun đúc chí khí của lớp hậu sinh. Thậm chí mỗi khi sét đánh xuống một ngọn cây nào đấy cũng làm cho người ta gợi nhớ đến phù thủy Cao Biền. Vậy Cao Biền là ai? Không phải ngẫu nhiên khi nạo vét sông Tô Lịch

gặp xương người và các đồ tế lễ xưa là người ta lại nghĩ ngay tới Cao Biền với truyền thuyết “yểm long mạch” khiến cho nơi đó không còn nhân tài sinh ra! Trong bảo tàng tỉnh Hà Tây thậm chí còn lưu lại một bản đồ cổ được cho rằng đó là tấm bản đồ đánh dấu những vùng trên đất Hà Tây đã bị Cao Biền yểm mạch! Tuy nhiên, cũng phải nói ngay rằng, đây là một tấm bản đồ không có nguồn gốc rõ ràng và sự xuất hiện của nó chỉ là cái cớ để cho các nho sĩ vùng Sơn Tây “tôn vinh” khí thiêng của mảnh đất nơi mình sinh ra. Trước khi tìm hiểu về những thuật “yểm mạch” của Cao Biền, chúng ta cần biết Cao Biền là ai, có tồn tại thực trong lịch sử không hay chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng dân gian? Đây là một điều mà nhiều người thường lẫn lộn. Chúng ta phải khẳng định ngay rằng, có một Cao Biền thực đã từng cầm quân sang chiếm giữ Giao Châu. Theo Đại Việt Sử ký toàn thư (Tập I, NXB KHXH năm 1993), Cao Biền tự là Thiên Lý, cháu của Nam Bình Quận vương Cao Sùng Văn dưới thời vua Đường. Thuở nhỏ, Cao Biền học giỏi, chăm chú luyện kiếm bắn cung. Cao Biền có tài bắn cung xuyên đôi

ngỗng đang bay trên trời, được người đời coi là bậc kỳ tài. Tuy Sử Việt có chép về Cao Biền như vậy nhưng có lẽ Cao Biền chỉ nổi tiếng với xứ Giao Châu (vì những lý do sẽ bàn đến dưới đây) nên khi đối chiếu với sử đời Đường thì không thấy nhắc đến nhiều. Xã hội Trung Hoa thời đó có bao nhiêu biến động thì một viên tướng ngoài biên thùy không được để ý tới cũng là chuyện đương nhiên. Vào năm Giáp Thân (864) vùng Giao Châu trộm cướp nổi lên như ong, những tù trưởng bản xứ rục rịch muốn chống lại sự đô hộ của vương triều nhà Đường, những lễ vật gửi về triều cống ít dần đi, Vua Đường Hàm Thông lập tức sai Tổng quản kinh lược sứ Trương Nhân mang quân đến coi giữ xứ Giao Châu. Giao Châu bấy giờ còn rừng rậm hoang vu, núi non trùng điệp khiến Trương Nhân e ngại dè dặt không tiến quân. Một số tâu lên, Trương Nhân bị bãi chức, Cao Biền được tiến cử làm Tiết Độ sứ dẫn quân sang chiếm giữ Giao Châu. Trong sử, Cao Biền được coi là một vị tướng có tài nhưng không có một dòng nào chép về khả năng pháp thuật phù thủy của Cao Biền cả. Vào thời nhà Đường, trước khi nhà sư

Huyền Trang vượt muôn dặm núi cao, vực sâu sang Ấn Độ mang về bộ Chân kinh đại thừa, xã hội Trung Hoa chìm đắm trong các loại bùa chú, ma thuật. Các đạo sĩ, các pháp sư đua nhau giành lấy sự ảnh hưởng của mình vào việc triều chính lẫn việc trong nhân gian. Mặc dù là cháu của Nam Bình Quận vương, có đủ điều kiện để tiếp xúc với các loại ma thuật nhưng sử sách không hề để lại một dòng nào về khả năng ma thuật, bùa chú của Cao Biền. Tất cả những câu chuyện về phép thuật của Cao Biền có thể do cách nhìn nhận của dân gian đối với công việc mà Cao Biền làm hoặc chính Cao Biền cố ý tạo ra những câu chuyện như thế? Nhưng Cao Biền làm thế để làm gì? Việc nạo vét lòng sông Tô Lịch và phát hiện ra những đoạn tường thành cùng các đồ tế lễ đã khiến nhiều người cho rằng đó chính là nơi Cao Biền đã yểm bùa. Điều đó không phải không có lý do. Sau khi đã bình định xong Giao Châu, Cao Biền cho quân xây thành Đại La để tập trung quyền lực về một mối. Sử gia chép rằng: “Cao Biền giữ phủ xưng vương, đắp La Thành vòng quanh 1982 trượng lẻ 5 thước, thân thành cao 2

trượng 6 thước, chân thành rộng 2 trượng 5 thước, bốn mặt thành đắp các nữ tường nhỏ trên bốn mặt thành cao 5 thước 5 tấc, vọng lâu nhìn giặc 55 sở, cửa ống 6 sở, cừ nước 3 sở, đường bộ 34 sở. Lại đắp con đê vây quanh dài 2125 trượng 8 thước, cao 1 trượng 5 thước chân rộng 2 trượng, cùng làm nhà cửa hơn 40 vạn gian” (Trang 199-Ngoại kỷ, Quyển V, Đại Việt Sử ký toàn thư, NXB KHXH 1993). Như vậy, hẳn đã tồn tại một Cao Biền cầm quân sang bình định Giao Châu, một Cao Biền xây thành Đại La. Điều chúng ta quan tâm nhất là liệu những xương người, xương động vật cùng các đồ tế lễ được tìm thấy trong lòng sông Tô Lịch có liên quan gì đến những truyền thuyết về việc Cao Biền đã yểm bùa thành Đại La và các long mạch trên khắp các vùng đất của xứ Giao Châu?

Bùa chú và linh khí đất Giao Châu

Câu chuyện về Cao Biền yểm bùa vào long mạch, khiến cho xứ Giao Châu không còn có thể sinh ra những kiệt nhân dựng cờ làm vua chống lại triều đình nhà Đường là

một câu chuyện khá phức tạp và nó nhuộm màu sắc “xã hội” nhiều hơn là ma quái. Trước hết ta có thể khẳng định rằng, có hai lý do cơ bản khiến Cao Biền tổ chức những cuộc tế lễ mà người dân Giao Châu coi đó là những lễ yểm bùa vào “long mạch”. Lý do thứ nhất thật đơn giản và dễ hiểu. Thuật phong thủy đối với các dân tộc Á Đông nói chung và dân tộc Trung Hoa nói riêng đặc biệt quan trọng. Khi xây cất một ngôi nhà, gia chủ cũng phải mời thầy về xem thế đất, hướng nhà. Thuật phong thủy có thể giải thích được bằng khoa học vì đó là cách tìm hiểu xuất hiện của hướng gió, hay mạch nước ngầm, hay có mỏ kim loại ở mảnh đất định xây cất... Đó là đối với một ngôi nhà nhỏ. Khi xây cả một toà thành thì việc đó càng phải cẩn trọng và được tính toán kỹ càng. Những cuộc tế lễ để xây thành tất yếu phải xảy ra. Hơn nữa, do xứ Giao Châu đối với Cao Biền là một vùng đất xa lạ. Để xây dựng thành và sống trong đó cho yên ổn, Cao Biền và quân sĩ không thể không làm lễ tế những vị thần bảo hộ của mình và những vị thần bản xứ! Chúng ta không có chứng cứ khoa học để xác định rõ ràng những đồ tế lễ

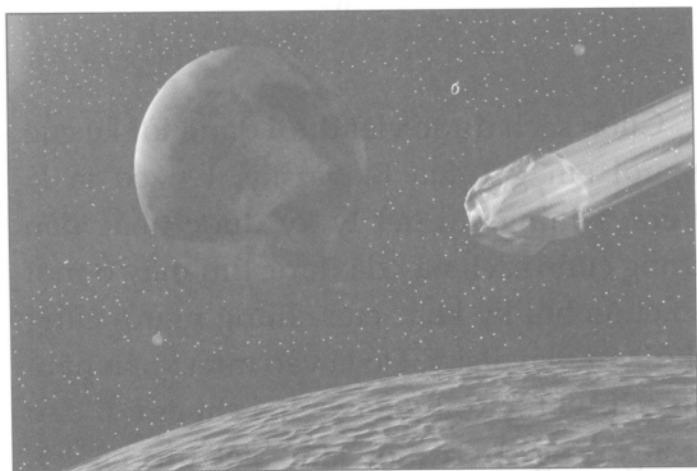
phát hiện dưới lòng sông Tô Lịch thuộc về những buổi tế lễ của Cao Biền xưa, nhưng giả thiết đó không hẳn là vô nghĩa hoàn toàn. Tuy nhiên, cho dù Cao Biền có tổ chức những cuộc tế lễ đó đi chăng nữa thì sự thật về bùa chú “yểm” vào long mạch được giải thích rõ ràng trong lý do thứ hai. Trong thời kỳ Bắc thuộc kéo dài ngàn năm, triều đình phong kiến Trung Quốc luôn lo sợ xứ Giao Châu xuất hiện những người anh hùng có thể dựng cờ, xưng vương, thu lấy nhân tâm để đối địch lại với Trung Quốc. Chính vậy nên triều đại nào cũng cử binh hùng tướng mạnh sang chiếm đóng, thị uy và bình định xứ Giao Châu. Không những thế, dân bản địa còn bị cấm trao đổi, tàng trữ những đồ sắt, đồ đồng có thể làm vũ khí được. Mặc dù đã được khích lệ bởi những cuộc chiến đấu lấy lòng của Hai Bà Trưng, Bà Triệu nhưng nhân tâm Giao Châu khi đó có vẻ như đã ly tán. Trình độ xã hội còn thấp, đa số bị ám ảnh bởi các thuật sĩ từ Trung Hoa sang. Một vài người có hiểu biết, biết rõ ràng về những trò ma thuật lừa bịp ấy nhưng quyền lợi của họ lại gắn liền với những kẻ xâm lược. Trong bối cảnh đó, Cao Biền đã nhanh

chóng nắm lấy tâm lý lệ thuộc này. Cao Biền vừa phao tin và vừa có thể tổ chức làm những cuộc tế lễ lớn để “yểm bùa” vào long mạch. Ngay cả những cuộc tế lễ dành cho việc xây thành Đại La cũng có thể gán cho ý nghĩa nham hiểm này. Tất cả điều đó nhằm để nếu có một anh hùng nào độ sinh ra trên mảnh đất Giao Châu này thì người anh hùng đó cũng mất hết ý chí đối địch với Trung Quốc. Thậm chí nếu người anh hùng đó vẫn giữ được ý chí của mình thì cũng không thu phục được nhân tâm về một mối. Trong các buổi lễ yểm bùa vào long mạch, Cao Biền thường tìm ra nguồn mạch nước ngầm và cho lính chôn sâu xuống đó nhiều sắt và đồng. Điều này nhằm gây mối hoang mang cho dân bản địa về sức mạnh của ma thuật. (Tuy nhiên, ngày nay khoa học có thể chứng minh dễ dàng tác hại của sắt, đồng vào nguồn nước của cộng đồng dân cư sử dụng mạch nước ngầm bị chặn lại đó). Tuy vậy, sự quật cường của tinh thần Việt đã ngay lập tức trả lời. Cao Biền đã không đạt được ý muốn là “răn đe” nhân tâm Giao Châu của mình. Truyền thuyết truyền lại việc yểm bùa của Cao Biền vào

long mạch, vào Thành Đại La và cũng truyền lại cả câu trả lời hào hùng của linh khí thiêng liêng của xứ Giao Châu. Đền Bạch Mã (hiện ở Hàng Buồm, Hà Nội) thờ Long Đỗ hiệu Quảng Lợi Bạch Mã đại Vương là một “dấu chỉ” rõ ràng cho câu trả lời đó. Truyền thuyết kể rằng, khi Cao Biền đắp thành Đại La, trời đất tối lại, một vị thần cười trên con rồng đỏ, từ đám mây vàng ngũ sắc hiện ra. Cao Biền vội làm dấu bùa yểm. Tối đến, Cao Biền mơ thấy vị thần đến nói rằng: “Ta là linh khí của đất Long Đỗ, sao người đắp thành mà lại dám dùng bùa chú”. Cao Biền sợ quá trở dậy sai quân đem đồng, sắt chôn vào long mạch dưới chân thành. Lập tức sét đánh tan đồng và sắt đi. Cao Biền hoảng sợ liền dựng đền thờ Bạch Mã để thờ Linh khí của thành Đại La. Không những Linh khí Giao Châu bắt Cao Biền phải quỳ gối xây đền thờ mà sự thật lịch sử đã đập tan những nghi ngại về những cuộc tế lễ yểm long mạch. Ngay sau những cuộc yểm long mạch đó, từ xứ Đường Lâm, Sơn Tây - nơi được coi như bị Cao Biền yểm bùa nhiều nhất đã xuất hiện một vị vua oai dũng hơn người. Đó là Ngô

Quyền. Sau đó từ thời Đinh, Lý, Trần, Lê... cho đến thời hiện đại, tinh anh nước Việt luôn toả ngời. Thế giới biết đến một Việt Nam kiên cường, nhân ái, tràn đầy niềm vui...Câu chuyện “yếm long mạch” của Cao Biền như một cơn gió hoang đường thổi qua và chưa từng làm lay động được một ngọn cỏ nhỏ nhoi trên xứ sở thiêng liêng này.

Helena Blavatsky và những câu đố bí ẩn của trường sinh học



Helena Petronna Blavatsky là người Nga, gốc Đức, sinh năm 1831 ở Ekaterinislav, miền Nam nước Nga. Cuộc đời bà chứa đầy những bí ẩn kỳ không thể giải đáp. Những gì mà bà làm từ lúc lên bốn tuổi, cho đến hai trăm năm sau vẫn là những thách đố lạ lùng cho trí tuệ loài người. Năm 1931, nhân dịp 100 năm ngày sinh của bà, nhà xuất bản Adyar, tại Paris đã xuất bản cuốn "Cuộc đời H. P. Blavatsky" của tác giả người Anh, A. P. Sinnett. Cuốn sách tường trình đầy đủ các sự kiện kỳ lạ nhất, khó hiểu nhất trong cuộc đời Blavatsky. Một số nhà khoa học đã khẳng định rằng chắc chắn Blavatsky phải có một trường sinh học đặc biệt để có thể thực hiện những điều tưởng như không thể thực hiện đó.

Cuốn sách được viết dưới dạng lời kể của người em gái của Blavatsky, tên cô ta là Vera. Những chi tiết ly kỳ được nhắc đến trong cuốn sách này đã được tìm thấy ở một số cuốn hồi ký khác của những người cùng thời với Blavatsky. Đó là vào mùa xuân năm 1859, ở vùng Rougodevo, hai chị em đi dạo trong rừng. Đến một khu biệt thự cũ kỹ, Blavatsky bỗng nhiên run người lên, đôi mắt như dính chặt vào khung cửa sổ. Vera không thấy gì hết. Đây là lần đầu tiên hai chị em đến đây chơi và họ không hề biết ngôi biệt thự kia của ai, có người sống trong đó hay không? Blavatsky chỉ cho em gái thấy những bóng người lớn vờn đi trong nhà. Họ đi lại rất nhẹ nhàng và đặc biệt là họ mặc những bộ quần áo rất cũ kỹ và theo kiểu ngày xưa. Vera không thấy gì hết và cô nghĩ rằng chị mình bị ảo giác. Cô kéo tay chị đi nhưng có một sức mạnh huyền bí nào đã

nú chân Blavatsky lại. Số hình bóng ấy, đi đi lại lại và đang làm ra vẻ thu dọn khu biệt thự để tổ chức một cuộc tiếp đón long trọng nào đó. Blavatsky thấy những chiếc bàn trôi đi và đậu xuống các vị trí mới. Điều lạ lùng nhất mà cô thấy được là trong những hình bóng đó có một chàng trai người Đức, áo choàng nhung đen, thẳng lưng da, tóc dài xuống lưng. Blavatsky kể lại cho Vera nghe tất cả những điều ấy. Vera không tin vì cô chẳng nhìn thấy gì trong khu biệt thự hoang vắng ấy cả. Buổi tối, câu chuyện đến tai chủ nhà trọ. Ông ta nhìn Blavatsky với ánh mắt rất kỳ lạ và sợ hãi vì ông ta chính là người thừa kế toà biệt thự này. Tuy nhiên, gia đình ông ta chưa một lần nào dọn đến nghỉ ở đó vì nghe người dân xung quanh đồn rằng thỉnh thoảng từ biệt thự lại phát ra những âm thanh kỳ lạ. Ban đầu người ta nghĩ là dơi, chim, chuột... nhưng không phải. Trong cuốn sổ cũ kỹ ghi lại toàn bộ những sự kiện lớn của dòng họ, ông ta có đọc thấy cảnh giống như Blavatsky nhìn thấy. Cảnh đó đã diễn ra ba mươi năm trước. Gia đình họ hàng ông đã mở hội hoá trang để chào mừng chàng rể mới. Chàng rể đó chính là

chàng trai người Đức.... Rất nhiều câu chuyện tương tự như vậy xảy ra với Blavatsky khiến nhiều người cho rằng có thể đây là trò bịp bợm để kiếm tiền của bà. Nhưng không, bà có một cuộc sống rất giàu có. Bà lấy chồng từ năm 17 tuổi. Chồng bà là Niriphore Blavatsky, cố vấn chính phủ, phó tỉnh trưởng tỉnh Erivan thuộc Caucase.... Một lần, Vera cùng chị đi thăm một người họ hàng ở vùng Rougodevo. Đạo ấy là mùa khô nên vùng đó hay bị cháy lăm. Những người dân thường chất cỏ khô thành những đồng lớn nên mỗi khi xảy ra hoả hoạn thì rất khó dập tắt. Khi hai chị em xuống đến vùng đồng cỏ thì bắt gặp một vụ cháy dữ dội. Những đồng cỏ khô lớn cháy lan rất nhanh tạo thành một vòng lửa. Những người dân vừa kêu khóc vừa dập lửa. Nhưng ngọn lửa đã quá mạnh vượt qua tầm kiểm soát của họ. Những người đàn bà đập đầu xuống đất la gào. Trong vòng lửa ấy vẫn còn mấy đứa trẻ ham chơi. Mặc dù ngọn lửa vẫn chưa cháy đến trung tâm nhưng không có cách nào để cứu bọn trẻ cả. Tiếng khóc của chúng bị át đi bởi tiếng lửa cháy phần phật. Blavatsky đột nhiên trừng mắt lên, toàn

thân rung mạnh. Vera sợ chị bị làm sao liền ôm lấy chị. Một sức mạnh khủng khiếp hất văng Vera ra. Blavatsky nhìn trừng trừng vào ngọn lửa. Lạ thay đồng lửa ngùn ngụt trước mắt dần dần tách ra làm đôi, mở một lối đi rộng. Ngọn lửa cứ tách rộng dần, rộng dần. Những người đàn ông không để ý là do đâu lửa lại tách ra như vậy, lao vào cứu những đứa trẻ. Khi đứa trẻ cuối cùng được cứu ra khỏi vòng vây lửa thì Blavatsky rũ người xuống. Cô có vẻ kiệt sức nằm lãn ra đất. Ngọn lửa lại nhanh chóng khép kín vòng vây của mình. Người dân cho rằng đó là phép lạ đã cứu đám trẻ, người thì cho rằng đó là do gió thổi dập lửa đi... Ban đầu những người thân của Blavatsky cũng không tin vào khả năng kỳ lạ của cô. Họ quyết định sẽ thử thách cô trước mặt tất cả mọi người trong nhà và những người hàng xóm lân cận. Anh trai cô, Leonide là một người rất giỏi tiếng Latinh và tiếng Đức. Anh nói rằng sách cổ của người La Mã có viết rằng những người ngoại cảm có khả năng biến vật nặng thành vật nhẹ và ngược lại. Leonide chế giễu em gái: “Chắc em cũng có khả năng đó chứ?” Blavatsky mỉm cười :

“ Cũng có thể, nhưng em không biết có thành công không?”. Cô chỉ chiếc bàn gỗ nhỏ đặt ở góc bàn và nói: “Nếu ai muốn thử thì hãy đến nhấc chiếc bàn kia lên xem” Mọi người tò mò vây quanh chiếc bàn. “Khoan đã”. Một người hàng xóm gạt hết mọi người ra. Anh ta thử xem chiếc bàn có bị chôn chân trước hay không. Chiếc bàn gỗ nhẹ tênh. Anh ta dùng một tay nhấc nó lên. Mọi người kiểm tra xong, lui xuống hết. Blavatsky ngồi tại chỗ, im lìm. Đôi mắt cô như có ánh lửa nhìn không chớp vào chiếc bàn. Một chàng thanh niên nhấc chiếc bàn lên nhưng không được. Chiếc bàn như một tảng đá nằm im lìm, không xê dịch chân một chút nào. Rất nhiều người đều thử nâng chiếc bàn lên và ai cũng tỏ ra kinh hãi vì chiếc bàn quá nặng. Trong hồi ký của mình, Leonide cũng kể lại chi tiết buổi thí nghiệm này. Anh kể rằng đó là chiếc bàn hoàn toàn bình thường và một đứa trẻ lên mười cũng có thể nâng nó lên được. Thế mà sau khi Blavatsky nhìn vào, nó bỗng chốc biến thành hàng ngàn cân và không ai xê dịch được nó. Sau khi mọi người đã thử sức, Blavatsky cười và nói: “Bây giờ chiếc bàn lại nhẹ đi rồi đấy”. Một

chàng thanh niên lại tiến đến chiếc bàn và thật bất ngờ, anh ta nâng cao chiếc bàn lên và xoay nó trên một ngón tay trở... Để kiểm tra lần nữa, mọi người cử một tốp sang phòng bên cạnh. Phòng đó được ngăn cách với phòng khách một bức tường đá dày. Tốp người đó có nhiệm vụ viết ra một vài từ thật kỳ lạ nào đó để cho Blavatsky đoán. Hồi lâu sau mọi người quay lại. Tờ giấy ghi những từ đó được gấp kín đặt trên bàn. Blavatsky đòi giấy và bút. Cô viết chữ vào đó rồi gấp lại. Người ta trao cả hai tờ giấy cho bố cô phán xử. Khi hai tờ giấy mở ra, căn phòng im lặng. Hai tờ giấy viết những chữ y hệt nhau, thậm chí trùng nhau cả vị trí trên tờ giấy. Mọi người khê lùi xa Blavatsky vì sợ... Trong suốt cuộc đời của mình, Blavatsky tỏ ra là một nhà ngoại cảm rất tài tình. Bà có thể đọc thấy tư tưởng của người khác, bằng ánh mắt hay suy nghĩ của mình có thể dịch chuyển các vật nặng, dự đoán được những gì sẽ xảy ra. Ngày nay, có nhiều người cho rằng câu chuyện về Blavatsky chỉ là một câu chuyện hài hước, không có thật, thậm chí sự tồn tại của bà cũng là giả nốt. Tuy nhiên các nhà khảo cứu sử học đã

khẳng định rõ ràng sự tồn tại của bà. Tiểu sử của bà được ghi lại rõ ràng: Helenna Petronna Blavatsky, người Nga, gốc Đức, sinh năm 1831 tại Ekaterinislav miền Nam nước Nga, bố là Đại tá Peter Haln, ông nội là tướng Alexis Haln Von Rottenstern, dòng dõi quý tộc ở Mecklembourg di cư sang Nga, mẹ là Heline Fadeef, nhà văn với bút danh Zenaida, mất năm 25 tuổi, để lại 12 tiểu thuyết lãng mạn. Blavatsky lấy chồng từ năm 17 tuổi. Chồng bà là Niriphore Blavatsky, cố vấn chính phủ, phó tỉnh trưởng tỉnh Erivan thuộc Caucase... Bà đã theo chồng sống ở nhiều nơi trên thế giới như ở Trung Á, Ấn Độ, Nam Mỹ, châu Phi, và Đông Âu... Tại những nơi này, Blavatsky nhiều lần đã chứng tỏ khả năng ngoại cảm kinh ngạc của bà. Theo Vera thì chị gái mình có bảy khả năng sau; 1/ Trả lời trực tiếp và hoàn toàn rõ ràng bằng chữ viết hay bằng lời nói về những ý nghĩ thầm kín của người khác, 2/ Nói được đơn thuốc chữa nhiều bệnh bằng tiếng Latin, khi dùng thấy hiệu nghiệm, 3/ Nói được điều bí mật của người khác, nhất là khi người đó tỏ ra nghi ngờ, khinh thị, 4/ Làm thay đổi được vị trí đồ đạc

theo ý muốn, 5/ Trả lời rất chính xác cho những câu hỏi bất ngờ, 6/ Đồ vật tự động bay đến gần, 7/ Nghe thấy tiếng nhạc trong không trung ở khắp nơi... Trường sinh học là một hiện tượng khó hiểu đối với chúng ta. Một số nhà khoa học cũng đã giải thích nó, nhưng thường thì mỗi người lại giải thích theo một kiểu khác nhau, không ai thống nhất với ai và đa số trường hợp những biểu hiện kỳ lạ này đều bị liệt cung dạng với những trò mê tín dị đoan. Trường hợp của Blavatsky cũng được một số nhà nghiên cứu phân tích kỹ lưỡng. Zang Kuizi, một thiền sư danh tiếng của Tây Tạng thì cho rằng hoàn toàn có thể tin được vào những hành động của Blavatsky. Theo Zang Kuizi thì bất kỳ người nào cũng có một trường sinh học rất mạnh nhưng chúng ta không khai mở được nó... Blavatsky đã may mắn có được sự khai mở tự nhiên. Hiện nay, trường sinh học đã trở thành một ngành "khoa học" có nhiều người nghiên cứu. Người ta vẫn cố lý giải sự tồn tại của chúng cũng như sự tồn tại của giác quan thứ sáu. Những người không tin rằng Blavatsky bịp bợm cũng có những cách giải thích về sức mạnh của bà theo nhiều

cách khác nhau. Muxzeir, một nhà chiêm tinh học người ấn cùng thời với Blavatsky đã lý giải rằng: Trước khi Blavatsky sai khiến hay thấu hiểu một vật gì đó, bà đã “truyền nhiễm” năng lượng của mình vào vật đó. Khi đó, nguồn xung năng của người khác hoặc của vật khác bị khuất phục hoàn toàn bởi năng lượng của Blavatsky và mặc nhiên phải tuân theo sự điều khiển của bà. Tuy vậy cũng còn có nhiều giả thuyết khác nhau nữa về hiện tượng trường sinh học. Cuối cùng, với sự thận trọng thường thấy, những người quan tâm đến trường sinh học cho rằng cần thêm nhiều thời gian nữa mới có thể hiểu được cuộc đời của Blavatsky. Cuộc đời của một người được coi là chứa đựng những sức mạnh vô hình của trường sinh học.

Đi tìm di cốt thần y Tuệ Tĩnh



Để giữ trọn Y Đạo, Thần y Tuệ Tĩnh đã phải chấp nhận cuộc sống tha hương vĩnh viễn và vùi lấp thân xác mình trong cát bụi xứ Giang Nam xa xôi. Đồi sau, Tiến sĩ Nguyễn Danh Nhỏ, người cùng làng, đi xứ sang Trung Quốc tình cờ ngang qua mộ Thần y. Vị tiến sĩ quý sụp xuống nức nở trước dòng chữ khắc trên bia mộ: "Về sau có ai bên nước Nam sang, nhớ cho đi cốt tôi về với". Từ đó, cuộc tìm kiếm di cốt Thần y Tuệ Tĩnh lý kỳ cho đến tận ngày nay...

Việt Đạo như Thiên Đạo!

Cuối thế kỷ XIV, nhà Trần suy yếu, bệnh dịch nổi lên khắp nơi. Những thương gia và thầy cúng Trung Quốc vội trở về và báo tin cho triều đình nhà Minh tình hình nước Nam. Nhiều kẻ hiền kế rằng nhân dịp nước Nam đang bị dịch bệnh hoành hành, sức dân suy yếu... nên có thể đem quân sang xâm lược. Vua nhà Minh đồng ý ngay vì đã tâm muốn chiếm nước Nam đã có từ lâu. Nhưng quân lương chưa kịp chuẩn bị xong, một tin bay về từ biên ải khiến cả triều đình nhà Minh sững sờ. Dịch bệnh tràn lan ở nước Nam bỗng chốc biến mất như thể có một vị thần y xuống chữa bệnh cho dân vậy. Vua nhà Minh sợ điềm lạ, dừng chuyện khởi binh. Vị Thần y đó chính là Tuệ Tĩnh. Do tài liệu cổ thất lạc nên có nhiều ý kiến trái ngược nhau về thân thế và

sự nghiệp của Tuệ Tĩnh (Thậm chí có người cho rằng Tuệ Tĩnh sống ở thế kỷ XVII?). Thần y tên thật là Nguyễn Bá Tĩnh sinh ở Nghĩa Lữ, Hồng Châu (nay là thôn Nghĩa Phú, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Bình, Hải Dương), lên sáu tuổi thì cha mẹ mất, được các nhà sư nuôi dưỡng và truyền dạy kinh sách cùng nghề thuốc cho. Bá Tĩnh học rất giỏi, thông hiểu kinh sử, dịch lý, ứng thi đậu đến Hoàng giáp nhưng kiên quyết không ra làm quan mà trở lại chùa đi tu lấy pháp hiệu là Tuệ Tĩnh, vừa tiếp tục nghiên cứu kinh sách vừa tìm kiếm những liều thuốc dân gian để chữa bệnh cho dân chúng quanh vùng. Khi đó, giới quan lại trong triều khi ốm đau vẫn thường chỉ mời các thầy cúng, thầy lang người Tàu đến chữa vì họ chỉ tin vào các phương thuốc từ Phương Bắc. Các thầy lang ấy cũng ra sức quảng bá những vị thuốc quý chỉ có thể tìm thấy ở vùng núi cao rừng sâu đầy tuyết xứ Bắc thôi chứ xứ Nam nóng lắm mưa nhiều không thể có được. Những người dân bình thường khi mắc bệnh trầm trọng thường chỉ nằm chờ chết vì không có điều kiện để mua thuốc của người Phương Bắc. Qua

những phương pháp chữa bệnh được các vị sư truyền dạy cộng với nghiên cứu cây cỏ của mình, Tuệ Tĩnh biết được rằng mỗi lá cỏ bình thường nhất cũng chứa đựng những vị thuốc quý giá. Thần y liền khởi xướng lý tưởng “Thuốc Nam Việt chữa người Nam Việt” và trực tiếp chữa khỏi bệnh cho rất nhiều người dân. Ngoài những sách về y học, Tuệ Tĩnh còn làm rạng rỡ thêm nền Phật học tinh túy đời Trần với những niệm giải vô cùng uyên áo. Những bậc danh y sau này như Hoàng Đôn Hòa, Hải Thượng Lãn ông đều dựa vào Y Lý của Tuệ Tĩnh để phát triển Y Đạo của mình. Sau khi biết được đất Nam có Thần y xuất hiện, triều đình nhà Minh ra sức ép vua Trần Dụ Tông phải đưa Tuệ Tĩnh đi xứ sang Trung Quốc, thực chất là bắt nhà Trần muốn hòa bình thì phải cống nộp vị Thần y. Tuệ Tĩnh bị cống sang Trung Quốc. Tất cả các danh y Trung Quốc được triệu về triều để thử tài vị Thần y đến từ đất Việt. Tuệ Tĩnh biết rằng nếu mình tỏ ra hiểu biết Y Lý thì không bao giờ có cơ hội trở về quê nhà nữa. Do vậy Thần y giả ngây ngô luận bàn rất lôm bôm và ngờ nghệch về các loại

bệnh. Các danh y xứ Bắc phá lên cười, còn vua Minh thất vọng phẩy tay ra hiệu không buồn nghe nữa. Thần y bị giam lỏng. Bấy giờ Tống Vương Phi đang được Vua Minh sủng ái. Vương Phi không những đẹp, đàn giỏi múa hay, biết ngâm nga thơ của vị Tiên tử Lý Bạch mà còn biết chiêu chuộng nhà vua. Năm đó Vương Phi trở dạ sinh một vị Hoàng tử. Nhà vua chưa kịp vui mừng vì có người nối nghiệp đã sầu muộn vì Vương Phi đột nhiên lâm bệnh nặng. Tất cả các thầy lang giỏi nhất được vời tới, các nhà sư được lệnh cầu kinh suốt ngày đêm. Nhưng bao nhiêu bài thuốc lạ, độc đáo của xứ Bắc cũng không thể chữa hết bệnh cho Vương Phi. Vua Minh đành đứng nhìn người thiếp yêu của mình chờ chết. Lúc này Tuệ Tĩnh đã tìm được cách để triều đình nhà Minh cho mình trở về quê nhà. Thần y luôn tỏ ra là một người rất tầm thường. Một lần bị cảm, Tuệ Tĩnh có thể tìm thuốc chữa khỏi cho mình nhanh chóng, nhưng vẫn không tự chữa mà để mặc cho bệnh nặng thêm chờ đến khi mấy thầy lang Tàu khác chữa hộ. Triều đình nhà Minh quyết định cho Tuệ Tĩnh trở về quê

nhà vì giữ lại cũng vô ích. Giác mơ quê hương đau đớn đã đến rất gần. Chỉ một thời gian ngắn nữa là Tuệ Tĩnh có thể trở về với quê hương thiêng liêng của mình. Thần y kiểm chế niềm hân hoan vô bờ, lặng lẽ vào chào vua nhà Minh trước khi lên đường về Đất Mẹ. Lúc này vua nhà Minh luôn túc trực cạnh chỗ Vương Phi đang hấp hối. Nghe các danh y đoán bệnh rồi bất lực lui ra, Thần y đoán được Vương Phi bị bệnh gì và có thể dùng vị thuốc gì chữa khỏi. Nhưng Tuệ Tĩnh biết rằng nếu như mình ra tay chữa khỏi bệnh cho Vương Phi thì mãi mãi sẽ phải chịu nỗi buồn vong quốc. Giác mơ, miếng cơm tha hương đắng như thế nào Thần y là người hiểu hơn ai hết. Nhưng Tuệ Tĩnh không thể nhìn thấy người hấp hối mà không cứu. Y Đạo của Tuệ Tĩnh, Thiên Đạo của Tâm hồn Việt mạnh hơn tất cả những nỗi tị hiềm xứ sở. Thần y cứu sống Vương Phi. Vua nhà Minh lưu giữ Thần y lại mãi mãi bằng cách phong Tuệ Tĩnh làm Đại y Thiên sư. Thần y cho đến khi vùi tấm thân phàm xuống cát bụi Giang Nam vẫn khắc khoải giấc mơ quê nhà yêu dấu.

Ai về nước Nam, mang tôi về với!

Năm 1699, Tiến sĩ Nguyễn Danh Nho (1638- ?) là người cùng làng với Thần y, được lệnh đi xứ Trung Quốc. Khi qua Giang Nam, tình cờ dân quanh đó kể cho ông nghe về mộ của một Thần y đất Việt. Vị Thần y này rất thiêng nên dân chúng quanh vùng ai có bệnh gì đều vào mộ cúng vái rồi hái lá cỏ ở mộ, sắc uống là khỏi bệnh. Trước khi mất, Tuệ Tĩnh đã dặn trồng ở mộ mình những loại cây thuốc quý này. Vị Tiến sĩ đoán ngay là mộ của ai bèn quỳ xuống vái lạy. Khi ngước lên, ông chợt oà khóc vì một mối đau xót dâng lên trong lòng. Tấm bia trên mộ Thần y vẫn hiện rõ dòng chữ: “Về sau có ai bên nước Nam sang, nhớ cho di cốt tôi về với”. Sau khi dò hỏi dân địa phương, Nguyễn Danh Nho biết rằng không thể đào lấy mang di cốt Thần y về Nam ngay vì dân trông coi Thần y như thánh có thể chữa bách bệnh. Ông bèn sai đục đá lấy một tấm bia đập lại nguyên văn dòng chữ trên bia mộ rồi bọc gấm mang theo. Theo dân gian thì khi về tới biên giới, những dòng chữ trên bia vụt sáng lên và những người vận chuyển bia mơ

hò nghe thấy một tiếng người như tiếng gió thổi thức. Tấm bia được chở trên thuyền về quê của Thần y. Khi đó cả vùng còn đang ngập trong nước lụt, thuyền đến địa phận thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, Cẩm Giàng, Hải Dương, thì bị đắm. Tấm bia chìm xuống đáy nước và dù có huy động bao nhiêu thợ lặn giỏi cũng không lấy được tấm bia lên. Khi nước cạn, tấm bia lộ ra trên một doi cát mới hình dao cầu (dao thái thuốc), dân làng liền dựng một ngôi đền ở đó. Y Đức của Thần y Tuệ Tĩnh vang dội trong lòng nhân tâm đến mức mà người dân tin rằng khi có bệnh, chỉ cần đến Đền Bia và hái thuốc quanh đền là có thể chữa khỏi. Đến năm 1845, đời Thiệu Trị thứ 6, quanh vùng có tin đồn là “Thần y hiển thánh” khiến nhân dân nô nức kéo nhau về đền, mỗi ngày có đến hàng vạn người, đông kín cả cánh đồng bao quanh. Câu chuyện đó thực ra do một số người đặt ra để muốn kêu gọi nhân dân trong vùng đang lâm vào cảnh khó khăn vùng dậy chống lại nhà Nguyễn. Vua Thiệu Trị cũng đoán được điều ấy liền ra lệnh hạ bia xuống khỏi đền, đục bỏ dòng chữ khắc trên bia, rồi mang bia “giam” vào ngục Hải

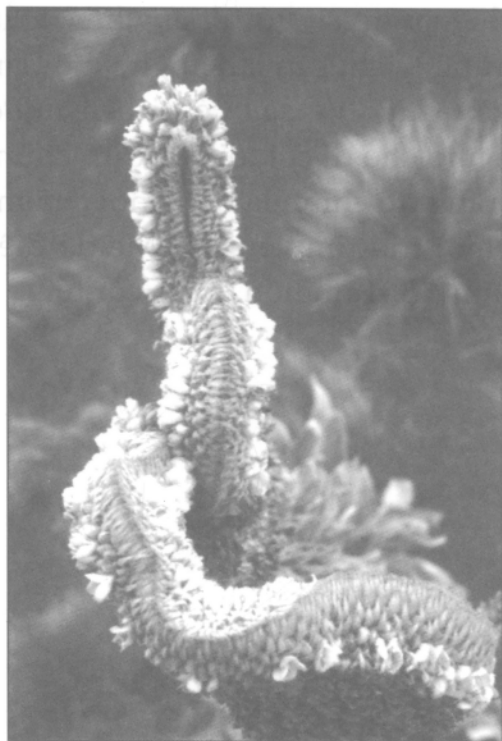
Dương. Sau này, một người làng Văn Phú được lên chức cai ngục. Thấy tấm bia thiêng, ông ta lên cho người mang bia về, trả lại Đền Bia. Hiện nay hai cột chính ở Đền Bia có đôi câu đối "*Hoàng giáp danh đăng Bắc địa / Thánh sứ được diêu trấn Nam bang*" (Thi đậu Hoàng giáp danh lừng đất Bắc / Chữa bệnh như thần an nước Nam). Tấm bia thiêng hiện vẫn còn, cao 80 cm, rộng và dày hơn 20 cm, những chữ khắc xưa đã bị đục nhám nhờ không còn rõ nét. Rất nhiều câu chuyện kỳ lạ liên quan đến Đền Bia. Đó là những chuyện đại loại như người ốm liệt nửa người uống lá thuốc ở Đền là khỏi bệnh, hay những người bị bệnh lâu năm chữa chạy ở khắp nơi không khỏi, tìm đến Đền Bia khẩn vái rồi hái lá thuốc quanh Đền sắc uống là khỏi bệnh... Ngoài chuyện mê tín ra thì cũng có một số trường hợp chữa khỏi. Thực ra chúng ta cũng hiểu rằng trong việc chữa bệnh, tâm lý người bệnh là rất quan trọng. Nếu người bệnh tin mình sẽ khỏi bệnh thì đôi khi cơ thể sẽ vượt qua bệnh tật dễ dàng. Trái lại, những ai mất niềm tin ấy thì bệnh tật của họ chỉ nặng dần thêm. Chính vậy mà chúng ta càng hiểu

rằng Y Đức của Thần y Tuệ Tĩnh thật thiêng liêng nên đã tạo cho người bệnh một niềm tin như vậy.

Không ai trong chúng ta có thể cảm lòng được khi biết rằng nguyện ước đơn sơ và thiêng liêng của một vị Thần y đất Việt, một đứa con tha hương luôn mong mỏi tìm về Đất Mẹ dù chết vẫn không nguôi, vẫn chưa được toại nguyện. Cuộc sống và thời thế có rất nhiều lý do để trong suốt bao nhiêu thế kỷ, di cốt của Thần y vẫn ở lại xứ sở xa xôi. Thực ra qua bao nhiêu thế kỷ mưa gió, ngôi mộ của Thần y có lẽ chỉ còn tấm bia đá và một vài di vật nào đó. Nhưng chỉ cần mang được một trong những di vật ít ỏi đó về thôi, chúng ta cũng đáp lại được nguyện ước của Thần y. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã có đề nghị nhờ Đại sứ quán Trung Quốc ở Việt Nam tìm giúp ngôi mộ của Thần y Tuệ Tĩnh tại Giang Nam nhưng chưa có hồi âm. Trong nỗ lực tôn tạo lại các di tích đền thờ Thần y Tuệ Tĩnh tại Hải Dương, Bộ Y tế cũng chi một khoản tiền khá lớn với một dự án quy mô về quần thể thờ cúng Thần y. Tuy nhiên, dường như vẫn chưa có ai “nghe thấu” ước nguyện “hồi hương” của Thần y

nên chưa có dự định tìm mộ Tuệ Tĩnh ở Giang Nam, Trung Quốc. Hiện nay, giao thông rất thuận tiện, hơn nữa nhiều tổ chức và cá nhân sẵn sàng đóng góp chi phí để thực hiện nguyện ước thiêng liêng của Thần y. Chúng ta chỉ cần lắng nghe một lần tiếng gọi day dứt: “Về sau có ai bên nước Nam sang, nhớ cho di cốt tôi về với!”, chúng ta sẽ hiểu rằng đó chính là tiếng nói của một tâm hồn, một trái tim yêu Đất Mẹ da diết nhất. Trái tim đó, Tâm hồn đó sẽ bất tử.

Bi kịch của những điệp viên đồng tính



Cuộc đời của các điệp viên bản thân đã là một trong những bi kịch lớn mà lịch sử nhân loại đã tạo ra. Nhưng trong một vài thế kỷ gần đây, khi đời sống tâm lý của loài người có nhiều điều biến đổi, một dạng điệp viên khác đã xuất hiện. Đó chính là các *gay spy*—các điệp viên đồng tính. Cuộc sống của các điệp viên bình thường đã rất khó khăn vì họ phải “sống một cuộc sống thứ hai”. Nhưng với các *gay spy*, thì họ còn khổ sở hơn khi phải sống một cuộc sống “ảo ảnh” với cuộc sống “thứ hai” của các điệp viên bình thường. Theo các nhà nhân chủng học thì lạ lùng thay, nước Anh, một đất nước có nhiều định kiến khó thay đổi, lại là một trong những nước có lượng những người đồng tính ái nhiều nhất. Edith Cresson, vị Tổng thống thất bại nhất trong lịch sử nước Pháp đã phán một câu xanh rờn rằng: “Hầu như đàn ông nước Anh đều là người đồng tính

ái". Oái oăm thay, Liên Xô và một số nước khác lại luôn lợi dụng những kẻ này để do thám nước Anh. Sir Francis Walsingham, cha đẻ của nền tình báo Anh quốc cũng là một người đồng tính. Người ta phanh phui ra ông có quan hệ "gần gũi" với nhà viết kịch nổi tiếng Christopher Marlowe. "Tình yêu" của hai người đã được "kịch hóa" rất mùi mẫn và giới đồng tính sử dụng nhiều hành động trong vở kịch đó để "giao tiếp" tình cảm với nhau. Somerset Maugham là một *gay spy* nổi tiếng trong Đại chiến thế giới thứ I. Với vẻ ngoài hào hoa, Maugham được một số sĩ quan Đức "chết mê, chết mệ" và ông dễ dàng lọt vào một trong những cơ quan tối mật của phát xít Đức. Do "giữ ngón nghề" nên tình báo Anh đã không đưa ra những chiến tích của Maugham. Nhưng người ta đều phỏng đoán rằng, bằng vị thế *gay spy* của mình, Maugham đã mang lại những thông tin ban đầu tối mật về vũ khí hóa học của phát xít Đức.

Thế giới hiện đại vẫn tiếp tục xuất hiện với những *gay spy* lừng danh. Guy Burgess tốt nghiệp Trường đại học Oxford. Hồi trẻ, anh ta là một kẻ hoang toàng và nghiện

Bi kịch của những điệp viên đồng tính

ngập. Căn bệnh đồng tính của Burgess được xác định là do anh ta theo “mốt”, lâu dần thành bệnh không chữa được... Burgess được tuyển làm điệp viên và nhiệm vụ của anh ta là phải “yêu” được ai đó trong Đại sứ quán Anh ở Washington. Đây là một đòn “mã hồi thương” cực kỳ độc đáo của các điệp viên. Thật dễ dàng để Burgess thực hiện những cảnh tán tỉnh yêu đương ban đầu. Tay nhân viên sứ quán vốn đã là một “gay chính hiệu” hoàn toàn đổ gục trước vẻ quyến rũ của người đồng hương. FBI và CIA đã đánh hơi thấy Burgess và một lần trong khi Burgess đang “âu yếm” với người tình của mình, CIA đã tóm gọn và buộc anh ta làm việc cho họ.

Vụ xìcăngđan gần đây nhất về các gián điệp đồng tính của nước Anh có liên quan tới William John Vessall. John Vessall vừa qua đời ở tuổi 71. Khi còn sống bạn bè hay gọi Vessall là “Nữ thần ái tình của bộ Hải quân”. Đến tận năm 1962, John Vessall mới bị phát giác là một điệp viên chuyên cung cấp các bí mật của nước Anh và của khối NATO cho Liên Xô.

Vessall tuyên bố rằng, một nhân viên của

Liên Xô đã dựng cảnh để quay phim ông đang có quan hệ tình dục với một số đàn ông khác do KGB điều tới. Những người khác cho rằng mục đích mà John Vessall làm gián điệp là vì tiền và thường sử dụng thư tống tiền.

Câu chuyện về cuộc đời và sự nghiệp của John Vessall sẽ phần nào làm sáng tỏ bức màn bí ẩn cũng như những lời đồn đại về con người này.

Vessall sinh năm 1924 trong một gia đình lương thiện nhưng nghèo khó. Trong cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ 1, Vessall làm thợ ảnh. Đến năm 1946, Vessall xin được vào làm thư ký trong bộ Hải quân Anh với mức lương ba cọc ba đồng. Vào năm 1954, Vessall xin được một công việc tương tự trong Đại sứ quán Anh tại Moskva. Bạn bè của Vessall rất ngạc nhiên khi thấy Vessall chuyển nơi làm việc vì từ trước tới giờ họ chưa từng thấy Vessall tỏ ra quan tâm tới chủ nghĩa cộng sản. Họ không hiểu vì sao hắn lại chọn làm việc ở Moskva, một nơi được coi là “điểm lưu đày” với khí hậu khắc nghiệt, tình trạng thiếu nhiên liệu và thực phẩm xảy ra thường xuyên, việc đi lại và

giao tiếp với người Nga bị hạn chế.

Ở London, Vessall là một kẻ trưởng giả học làm sang. Hắn tỏ rõ ý định chỉ muốn giao du với tầng lớp giàu sang. Có lời đồn rằng hắn làm bạn với những phụ nữ đã luống tuổi với hy vọng họ sẽ cho hắn thừa kế gia sản sau khi họ qua đời. Hắn cũng điên cuồng leo lên xã hội của giới đồng tính, đặt các mối quan hệ với những người giàu có, những người nổi tiếng và cả những người có tầm ảnh hưởng lớn.

Khi ở Moskva, hắn đã tán tỉnh Sigmund Mikhailsky, một thanh niên trẻ, một phiên dịch viên chính thức và là một thợ sửa chữa tại sứ quán. Thường thì sứ quán nào cũng có một thợ sửa chữa trá hình như vậy để xâm nhập vào hệ thống quan liêu của Liên Xô, đặt vé xem hát hay vé máy bay và thông qua chợ đen luôn làm được những gì mà người khác yêu cầu. Sigmund Mikhailsky là một chàng trai vui vẻ, hài hước và rất có sức quyến rũ. Ngoài những công việc trên, Sigmund Mikhailsky còn bị buộc phải “phục vụ riêng” cho những người thích quan hệ tình dục nói chung và các quý ông đồng tính nói riêng.

Chính phủ Anh biết rằng Sigmund Mikhailsky chính là một gián điệp do KGB cài vào Sứ quán Anh tại Moskva nhưng vẫn tỏ ra khoan nhượng với hắn. vì hắn rất được việc. Song, họ cũng không ngừng cảnh báo các nhân viên tại đại sứ quán không được có bất cứ mối quan hệ riêng tư mật thiết nào với hắn.

Bảy năm sau đó, Vessall bị bắt. Trong bản kê lời khai, hắn nói đã tham dự một bữa tiệc có rất nhiều người đẹp trai và rượu mạnh do Sigmund Mikhailsky tổ chức dưới sự chỉ đạo của KGB. Tại bữa tiệc, Vessall đã được xem những bức hình chụp chính mình trong nhiều cảnh quan hệ tình dục với một số đàn ông người Nga. Những bức ảnh chụp được đó là do dàn dựng vì trong ảnh Vessall luôn hướng mặt về phía máy quay. Vessall cho rằng hắn đã bị chuốc cho say.

Vessall cho biết hắn bị buộc phải trở thành một gián điệp nếu không hắn sẽ bị tước bỏ quyền miễn trừ ngoại giao và sẽ bị truy tố theo những luật lệ vô cùng hà khắc của Nga đối với những kẻ đồng tính. Hắn bắt đầu cung cấp những bí mật của nước Anh và khối NATO cho Nga và được trả

lương rất hậu hĩnh. Ngoài ra, Vessall còn có những mối quan hệ riêng tư rất mật thiết với vị đại sứ Anh tại Nga, Sir William Hayter. Vessall chỉ chịu làm gián điệp cho Nga khi Liên Xô dọa sẽ cung cấp cho phu nhân của ông Hayter những bức ảnh chụp Vessall và ông Hayter đang có quan hệ.

Vessall sống một cuộc sống vô cùng sung túc ở Moskva. Sau khi trở về London hắn còn sống sung sướng hơn rất nhiều. Hắn được cấp một căn nhà vô cùng sang trọng và đi du lịch ở rất nhiều nơi. Vào thời điểm bị bắt, hắn có tới 36 bộ comple, 30 đôi giày và hàng chục chiếc áo choàng, tất cả đều được làm theo đơn đặt hàng của hắn và người ta còn tìm thấy trong các ngăn kéo đầy những áo sơ mi, đồ lót và quần áo ngủ làm từ lụa.

Ngoài ra, Vessall còn sở hữu một chiếc tủ cổ đáng giá bằng cả số tiền lương mà hắn được nhận trong một năm. Trong chiếc tủ này có một ngăn bí mật, trong đó hắn cất giấu những thiết bị chụp hình đắt tiền và cả những cuộn phim lưu lại các bản copy những tài liệu mật của chính phủ.

Bị bắt khi đang mang tài liệu từ Bộ Hải

quân về nhà để sao chép, Vessall nhận tội và kể lại rằng làm gián điệp đồng tính không hề đơn giản chút nào. Có những lúc miễn cưỡng phải phục vụ những người khác, bị chụp ảnh lén. Để lấy được thông tin và tài liệu mật, lúc nào hắn cũng phải mang theo mình chiếc máy ảnh.

“Cô Mary” là mật mã của Vessall. Chính cái tên này đã giúp Vessall nhận được sự khoan hồng của toà án. Song vị chánh án nói với Vessall rằng “... anh đã nhận tiền và ở chừng mực nào đó tiền lương của anh được tăng gấp đôi. Tôi sẽ coi những gì anh đã làm chỉ là xuất phát từ lòng tham tiền của...”.

Một số người đồng tính và bạn bè của Vessall lại không tỏ ra thông cảm với hắn như vị chánh án kia. Rebecca West, người đã đến với xã hội của giới đồng tính từ một gia đình danh giá, đã viết rằng: “Những người đồng tính rất dễ có nguy cơ bị buộc phải trở thành gián điệp, cũng giống như những người thích trượt tuyết dễ bị gãy chân vậy...”. Song, những người khôn ngoan sẽ biết nên phải làm gì, ngay cả những kẻ khờ khạo nhất cũng đã từng xem bộ phim **Nạn nhân**, một bộ phim vô cùng ăn khách vào

năm 1961 về những người đồng tính bị hăm dọa như thế nào. Vậy thì tại sao Vessall lại không tự bảo vệ lấy bản thân mình?

Vessall tuyên bố, hắn không yếu ớt mà cũng chẳng ngu ngốc. Những gì hắn làm là một trò chơi đòi hỏi phải có kỹ năng, lao động cực nhọc, trí tưởng tượng, tính bảo mật cao và cả sự liều lĩnh nữa. Vessall đã dám làm và đã rất cố gắng. Hắn rất tự hào về “đôi mắt phòng ngủ” của mình, rằng “mình là người được tìm đến nhiều nhất chỉ sau nữ hoàng”, rằng “mình ăn chơi và giống hệt con gái”. Thế nhưng trong cuốn sách của mình, Rebecca West lại coi Vessall không đáng được đeo cây thánh giá trên người, vì hắn chỉ biết chùn bước trước những lời hăm dọa một cách đáng khinh...”.

Rebecca West còn nói thêm rằng, Vessall đã bị hăm dọa. Hắn đã biết được âm mưu của Liên Xô. Lẽ ra hắn nên báo cáo lên đại sứ quán hoặc nên trở về nước Anh ngay. Hắn nên tự mình thoát ra khỏi tình huống này, và nếu hắn thấy khó sống được ở Whitehall thì có thể tìm một nơi ẩn náu ở một phòng tranh hay một cửa hàng bán đồ trang trí nội thất...”.

Giống như nhiều người khác, Rebecca West tin rằng Vessall đến Moskva với ý định trở thành gián điệp vì Vessall xin vào làm ở Đại sứ quán Anh tại Moskva ngay sau khi những “gián điệp đồng tính” người Anh là Burgess và Maclean bị phanh phui.

Sau khi Vessall bị buộc tội, chính quyền của Tổng thống Mỹ Kennedy đã ráo riết tìm kiếm và thuê những nhân viên đồng tính. Hải quân Mỹ đã không cho những gã đồng tính người Anh này biết được các thông tin của Mỹ và NATO. Và đảng Lao động Anh cũng ra lời cảnh báo về tình trạng yêu cầu Đảng bảo thủ phải sàng lọc và sa thải hết những nhân viên đồng tính. Thế nhưng khi đảng Lao động của Thủ tướng Tony Blair lên cầm quyền, tình hình còn có vẻ nghiêm trọng hơn trước. Chỉ sau có hai tuần, ba bộ trưởng trong nội các của Thủ tướng Tony Blair, bị phanh phui là những người đồng tính. Đó là các bộ trưởng xứ Wales - Ron Davies, Bộ trưởng Nông nghiệp - Nick Brown, và Bộ trưởng Công nghiệp - Peter Mandelson. Cả ba người này đều bị cáo giác là có quan hệ với những người đồng tính hoặc với các cậu bé.

Bí kịch của những điệp viên đồng tính

Câu chuyện về các *gay spy* hiện đại vẫn tiếp diễn và những bí kịch của họ tiếp tục bị đẩy lên đỉnh điểm hơn. Sự khác biệt về tâm lý, sinh lý đã khiến họ đối diện với nỗi cô độc đã được nhân lên gấp nhiều lần nỗi cô đơn của những điệp viên bình thường.

Sự thật và huyền thoại về bệnh bóng đè



Bị bóng đè là một "căn bệnh" rất khó giải thích của con người. Nhiều nhà khoa học thậm chí còn không muốn gọi đó là một căn bệnh nữa. "Bị bóng đè" là một chứng bệnh không chữa được hay là do loài người không muốn chữa? Trong các nền văn minh cổ xưa, những người thường xuyên bị bóng đè được coi là gắn liền với các nguồn lực của thần linh. Bí mật tâm lý và những ảo ảnh của chứng bóng đè vẫn còn làm sửng sốt tất cả chúng ta.

Chứng bệnh “Hội ngộ thần linh”

Con người biết đến chứng bệnh bị bóng đè từ rất lâu. Ngay khi trí óc loài người giúp họ ra khỏi những hang đá tối tăm, chứng bóng đè đã xuất hiện. Trên những vách đá ở Péru, các nhà khoa học tìm thấy một bức tranh mà theo các giải thích hiện đại, bức tranh đó mô tả người bị mắc chứng bệnh bóng đè. Một người nằm thẳng đang ngủ say, trong tay có một cái gậy bịt nhọn, (có thể là hình một pháp sư thời đó) hai mắt nhắm nghiền. Con mắt thứ ba, ở giữa trán, tượng trưng cho trí tuệ lại mở to đầy khiếp hãi. Bên trên những hình khối lớn xoay vần và hất những cái bóng dài xuống thân thể người này. Bên cạnh đó, hình một con vật (để cười) đang có vẻ như lồng lên kinh sợ. Vượt lên trên vòm đá cao nhất, một bàn tay vô hình của thần linh đang vươn xuống chờ đợi. Trong các bộ tộc cổ xưa, mỗi bộ tộc đều

có một người chuyên “đoán mộng” để đoán trước chiến tranh, thời tiết, mùa màng hay bệnh tật. Thường thường những giấc mộng được mang ra “phân tích” là những giấc mộng của vị tộc trưởng. Một giấc mơ còn con cũng được gán cho rất nhiều ý nghĩa. Kiểu đoán mộng này đặc biệt phổ biến với các triều đình phong kiến phương Đông. Đó là chỉ có giấc mơ của vua chúa mới quan trọng còn giấc mơ của vị “đoán mộng” không có ý nghĩa gì hết. Nhưng khác với cách đoán mộng đó, Những người bị bóng đè được cư xử một cách đặc biệt hơn. Và chứng bóng đè cũng không tiên báo tất cả những gì mà giấc mơ đã tiên báo. Thế nỗi sợ hãi, nỗi ám ảnh của chứng bóng đè có ý nghĩa gì với xã hội không. Câu trả lời làm thất vọng nhiều người. Không hề có ý nghĩa nào hết. Chứng bệnh này chỉ là một “chứng chỉ” đặc biệt đối với những người muốn có cuộc sống ẩn dật. Trong các nền văn minh cổ xưa, người ta cho rằng con người có thể giao tiếp với thần linh thông qua chính cơ thể mình. Pháp sư Deazyk, ở đảo Cret mô tả về trạng thái “hội ngộ” với thần linh không khác gì trạng thái gây ra bởi chứng bệnh

bóng đè. Những nhà nghiên cứu văn hóa cho rằng cái trạng thái mất hết sức lực khi trí óc vẫn tỉnh táo và nhận biết được, là sự khởi đầu để con người “gột rửa” hết sự trần tục của mình để hội ngộ với thần thánh. Sự xoay vần và đe dọa của các khối khổng lồ báo hiệu sự thử thách của thần linh. Nếu con người tỏ ra dũng cảm, không sợ hãi thì cảm giác đó sẽ qua rất nhanh. Khi đó con người sẽ thực sự hội ngộ với thần linh, sẽ nghe được những bí mật vô cùng của vũ trụ. Tuy nhiên, nếu con người tỏ ra sợ hãi (như đa số người khi bị bóng đè), cảm giác đau đớn và sợ hãi sẽ tăng lên rất nhanh và không có thần linh nào hiện ra cả. Thực sự, có rất nhiều pháp sư rởm “nổi danh” vì bị bóng đè. Đây là chứng bệnh diễn ra riêng tư, chỉ có người bị mới biết được, vì nó không có dấu hiệu bệnh tật hay tâm lý rõ ràng. Hơn nữa, những pháp sư này cũng không bị đòi hỏi phải “đoán” những sự việc sẽ diễn ra trong cộng đồng. Họ được trọng vọng vì họ là biểu tượng cho sức mạnh của bộ tộc đó. Thần linh đã “hội ngộ” với họ kia mà. Đối lại, những câu chuyện hoang đường khi tiếp kiến “thần linh” thế nào phải được kể ra.

Cảm giác về sự tiêu tan sức lực của cơ thể trong khi bị bóng đè đã trở thành một “hình tượng” tín ngưỡng đặc sắc của các nền văn hóa thời kỳ trước công nguyên, tức là trước khi đạo Cơ Đốc xuất hiện ở châu Âu. Tất cả những tư tưởng minh triết nhất của các nền văn minh rực rỡ trong thời kỳ đó đều cùng chung ý tưởng cho rằng, chứng bệnh bóng đè là dấu hiệu của thần thánh cho con người biết rằng, chỉ có linh hồn con người mới có thể hội ngộ được với thần linh, được đến xứ sở của thần thánh, và được bất tử. Thân xác bất lực ngay trong giây khắc “tiếp nhận” thần linh. Một chứng cứ hiển hiện ngay trong đời sống con người như vậy có thể biện minh cho mọi lý thuyết khác. Điều này dẫn đến việc trong nhiều nền văn hóa, người ta không coi trọng đến thân thể con người, chỉ chú trọng phát triển tinh thần. Đây là một sai lầm rất lớn mà ngày nay ở một vài nơi trên thế giới, con người vẫn không hiểu ra. Nhưng thực chất về chứng bệnh bị bóng đè là gì? Nếu nó không phải là sự “hội ngộ” giữa tinh thần con người với các sức mạnh bí ẩn của trời đất thì nó là gì? Phải chăng đó là một căn bệnh tâm lý mà ai cũng mắc phải?

Bị bóng đè hay những nỗi sợ kỳ cục

Chúng bệnh bị bóng đè diễn ra khá thường xuyên. Thường thường mỗi người trong chúng ta đều đã từng trải qua vài lần bị bóng đè. Chứng bệnh này có những đặc điểm khá lạ kỳ là nó không phân biệt tuổi tác, khỏe hay yếu, giàu hay nghèo, điều kiện khí hậu địa lý như thế nào... Dường như con người ở bất kỳ hoàn cảnh nào cũng phải trải qua căn bệnh này một vài lần. Hơn nữa chứng bệnh này cũng không phân biệt tuổi tác (mặc dù trong giai đoạn trưởng thành con người thường gặp chứng bệnh này nhiều hơn). “Bóng đè” cứ như là một căn bệnh cực kỳ đặc biệt và không tuân theo nguyên tắc tâm sinh lý nào nào cả. Nhưng điều đó còn chưa kỳ lạ bằng cái cách mà con người “đón nhận” nó như thế nào? Thường thường những người khi bị bóng đè sẽ kể cho người thân và bạn bè nghe về nỗi hãi hùng của mình, sau đó sẽ đến gặp bác sĩ, nếu không, họ bỏ qua luôn. Dường như chúng ta không coi đó là một căn bệnh và coi nó “không ra cái gì cả” dù trong giấc ngủ nó đã làm chúng ta hãi hùng ghê gớm. Một

số người bị bóng đè thường xuyên thì thường tìm đến các bác sĩ tâm lý và ở đó các thầy thuốc lại “chữa bệnh” bằng cách khuyên người bệnh đọc sách, chơi thể thao và uống vitamin để tăng cường sức khỏe. Tóm lại chúng ta không tìm hiểu kỹ về những gì đã xảy ra với cuộc sống của mình. Nếu chúng ta nhớ lại cái cách mà chúng bóng đè diễn ra như thế nào thì chúng ta sẽ biết được rất nhiều bí mật về chính giấc ngủ và những nỗi sợ kỳ cục như vậy.

Không giống với những giấc mơ hãi hùng khác, con người khi bị bóng đè vẫn ý thức được mình đang hoàn toàn “tỉnh táo” và có thể chứng kiến “mọi chuyện” bằng các giác quan và nỗi sợ của mình. Trong nhiều kiểu giấc mơ khác, con người vẫn có thể cảm thấy mình nửa thức nửa ngủ, nhưng khi tỉnh dậy chúng ta hầu như quên sạch những gì diễn ra trong mơ. Nhưng trái lại, sau khi bị bóng đè, khi tỉnh lại người ta nhớ rất rõ từng “chi tiết” hăm dọa mình trong giấc ngủ. Bóng đè có nghĩa là cái gì? Những lần bị bóng đè diễn ra theo một mô típ tương tự như sau: Con người (người bị bóng đè) nằm im, chân tay rã rời như bị mất hết sức lực

không thể cử động được chút nào cả, chỉ có đôi mắt tưởng như mở ra (trong khi đó các mí mắt vẫn nhắm nghiền say sưa) và trí óc vẫn còn nhận biết được. Từ trên cao, những khối khổng lồ của mái nhà, của cái tủ hay bất kỳ của một đồ vật lớn nào đó, cứ “từ từ” tiến tới và có vẻ như sẵn sàng đổ ụp xuống đầu người đó. Chúng ta phải lưu ý rằng, các đồ vật khổng lồ luôn luôn chuyển động từ trên cao xuống dần. Có nghĩa rằng cái “bóng” khổng lồ của những khối khổng lồ đã đổ ụp xuống con người trước khi con người bị chính vật ấy đổ vào người và làm đau đớn “vật chất” thực sự. Như vậy là nỗi sợ hãi và nỗi đau đớn khi đó là ảo ảnh? Để hiểu rõ tâm lý và nỗi đau đớn ảo ảnh này, chúng ta phải đặc biệt lưu ý đến “thực trạng” diễn ra khi đó. Con người vẫn mở mắt trừng trừng và nhìn thấy mái nhà hay cái tủ lớn đã “chầm chậm” đổ xuống người mình. Lẽ ra, theo phản xạ tự nhiên thì con người phải tránh sang một bên, hoặc cố gắng chạy đi. Nhưng điều kỳ lạ là càng cố gắng chạy đi thì con người càng cảm thấy trong mình không còn một chút sức lực nào? Điều gì đã rút hết sức lực của con người khi

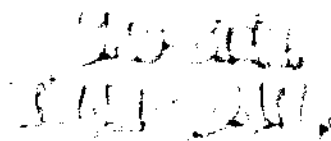
đó? (Tất nhiên tất cả đang diễn ra trong giấc ngủ và nhận thức của con người đã “cảm thấy” mình không còn tí sức lực nào để có thể di chuyển). Câu hỏi đó có lẽ như thế này thì chính xác hơn là điều gì đã khiến con người khi đó cảm thấy mình hết sức lực? Sự “hết sức lực” ấy phải chăng diễn ra trước khi bị bóng đè? Nếu diễn ra trước khi (cảm thấy) bị bóng đè thì có nghĩa là con người đã bị một chấn thương tâm lý nào đó trong cuộc sống thường nhật. Chấn thương đó diễn ra trong ban ngày và khi đêm xuống nó mã hóa vào giấc ngủ của người bệnh. Đây là cách giải thích và “chữa trị” của đa số chúng ta khi ai đó bị mắc chứng bóng đè. Nếu như thế thì quả là con người bị chấn thương tâm lý thật sự. Nhưng có điều kỳ lạ là ngay ở con người khỏe mạnh và có đời sống tinh thần tốt cũng thỉnh thoảng bị bóng đè. Chắc chắn phải có một bí mật nào đó “bí mật” hơn các chấn thương tâm lý. Hơn nữa, nếu phân tích kỹ, chúng ta sẽ nhận ra rằng sự “mất sức lực” đến từ đâu. Cuộc sống của con người tồn tại bởi sự hòa hợp kỳ diệu giữa thân xác, các giác quan và trí óc. Khi ngủ, thân xác nằm im, và mọi hoạt động của trí óc cũng

giảm thiểu tối đa. Nhưng có một bí mật nào đó khiến cho trí óc con người thỉnh thoảng lại thức dậy “sớm hơn” cơ thể một chút. Điều này ai cũng đã từng trải nghiệm trong giấc ngủ của mình. Khoảng thức dậy này “trí óc” bắt đầu công việc của mình tức là cần đến những hoạt động của cơ thể. Nhưng rõ ràng điều đó không thể xảy ra ngay vì cơ thể đang ngủ giấc ngủ của tự nhiên. Khi không điều khiển được cơ thể, “trí óc” (khi đó làm sao hiểu nổi cái gì đang diễn ra) đâm hoang mang và nỗi sợ hãi bắt đầu. Sự chuyển động mà trí óc hay “nhận lại” được từ thân xác giờ được “ám” vào các vật thể xung quanh. Những vật thân thuộc nhất với đôi mắt trước khi đi ngủ sẽ “rung rinh rung rinh” theo nhịp hoạt động của trí óc và nỗi đe dọa đã tới. Con người (tức là sự nhận biết đã thức dậy đó) cảm thấy ghệt thở và sợ hãi thật sự. Những khối khổng lồ vẫn cứ đổ xuống dần dần. Con người thường tỉnh dậy bằng một tiếng hét hãi hùng thật lớn (đa số tiếng hét ấy đều không thành lời mà chỉ hét trong ý nghĩ thôi). Chứng bệnh bị bóng đè thực sự là một hiện tượng tự nhiên trong lịch sử tiến hóa của loài người. Những bí

mặt của nó chúng ta chưa thể hiểu hết được nhưng chúng ta cũng có thể khẳng định rằng không có gì thần bí trong chứng bệnh này cả. Nếu ai đó hù dọa bạn về hiện tượng tự nhiên này, hãy coi chừng, người đó đang để ý đến túi tiền của bạn.

Mục lục

“Lật tẩy” ảo thuật gia	5
Bí mật của những tin đồn	13
Bay bằng tay và những con tàu vượt thời gian	23
Cuộc săn lùng phù thủy ở châu Âu thời trung cổ	33
Người khổng lồ - Huyền thoại và sự thật	43
Bắt ma trời và sự thật về loài ma tinh nghịch	53
Cao Biền, thành Đại La, bùa chú và sự thật	64
Helena Balavatsky và những câu đố bí ẩn của trường sinh học	75
Đi tìm di cốt thần y Tuệ Tĩnh	85
Bi kịch của những điệp viên đồng tính ..	96
Sự thật và huyền thoại về bệnh bóng đè	108



bìa chú và sự thật

Nhiều tác giả

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS QUÁCH THU NGUYỆT

Biên tập:

KHÁNH VI

Vẽ bìa:

TRẦN HẢI THU

Sửa bản in:

HẢI ANH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 9316289 - 9316211 - 8465595 - 8465596 - 9350973

Fax: 84.8.8437450 - E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ HÀ NỘI

20 ngõ 91, Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa - Hà Nội

ĐT & Fax: (04) 7734544

E-mail: vanphongnxbtre@hn.vnn.vn

SÁCH PHÁT HÀNH TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA ĐÔNG A

HÀ NỘI: 10b Tầng Bạt Hồ - Q. Hai Bà Trưng

ĐT: 04.9723821 - 9723822

E-mail: dongadc@ft.vn

Website: <http://www.thegioisach.com.vn>

TP HỒ CHÍ MINH: P006 - 1Bis - Nguyễn Đình Chiểu - Q. 1

ĐT: 08. 9105389



B

ạn đang trong một giấc mơ kỳ diệu, bỗng một hình ảnh nào đó xuất hiện, đè mạnh xuống ngực bạn, bạn ngáp lên, bức bối, nghẹt thở, kinh hãi... rồi đột nhiên rung chuyển, bạn bừng tỉnh thoát khỏi cơn bóng đè khiếp hãi. Bạn đã trải qua điều gì trong mơ? Cơn bóng đè khủng khiếp ấy tiên báo tai họa nào sẽ giáng xuống bạn? Bộ sách **Khoa học dưới góc nhìn tâm lý** sẽ giải đáp cho bạn tất cả những điều ấy...

N

hững ảo ảnh, những tiếng gọi kỳ lạ lúc mờ sáng, những đốm lửa vô hình nhưng có thực đều được giải thích không chỉ bằng khoa học mà còn bằng tâm lý của chính bạn...

N

goài ra bộ sách còn đặt bạn vào trung tâm những điều kỳ lạ của tự nhiên và đời sống con người, để bạn có thể tự hiểu lấy bằng tâm lý của chính mình... Một câu đố của bộ sách dành cho người điên vì tình làm thế n

14.0 cao biên thanh đại l



5124775 VND 11000



D7621024

Cao Biên, thành Đại la...



Giá: 14.000đ